Công ty Cổ phần
May mặc Bình Dương

2024

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

VỮNG NIỀM TIN 35 BƯỚC TƯƠNG LAI

1989-2024 PROTRADE GARMENT

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Ký ngày: 16/4/2025 16:51:25

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Quá trình hình thành & phát triển	08
Ngành nghề & địa bàn kinh doanh	10
Định hướng phát triển	11
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	14
Các chứng nhận	16
Các giải thưởng tiêu biểu	17
Các rủi ro	18

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	24
Tổ chức & Nhân sự	27
Tình hình đầu tư & thực hiện dự án	32
Tình hình tài chính	34
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	38
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường & xã hội của Công ty	40

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	52
Tình hình tài chính	54
Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức	56
Kế hoạch phát triển trong tương lai	57
Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội	60

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	64
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	66
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	67

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	70
Ban kiểm soát	75
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc & Ban Kiểm Soát	77

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024

Ý kiến kiểm toán	82
Báo cáo tài chính được kiểm toán	83

Thành lập năm

1989

Tiền thân là Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu trực thuộc Tổng Công ty sản xuất và Xuất khẩu Bình Dương. Trải qua hơn 35 năm hoạt động, Công ty đã trở thành doanh nghiệp May mặc hàng đầu.

Đội ngũ Nhân sự

1.800 nhân viên

Với đội ngũ nhân sự năng động và sáng tạo, tay nghề luôn được nâng cao đã giúp cho Công ty vững vị thế trên thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Sản phẩm

Quần Jean, áo sơ mi

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương là nơi được các nhãn hàng thời trang đặt niềm tin vào các đơn hàng gia công cho các sản phẩm như Quần Jean, áo sơ mi.

3,8 Triệu chiếc

Với uy tín của mình trên thương trường, Công ty mỗi năm đều cung cấp đều đặn 3,8 triệu chiếc quần jean đáp ứng nhu cầu tăng cao của thị trường nội địa và quốc tế.

Phần 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Các chứng nhận

Các giải thưởng tiêu biểu

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁT QUÁT

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh	:	PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	PROTRADE GARMENT JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	3700769438 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2006, thay đổi lần thứ 05 ngày 27/03/2025
Vốn điều lệ	:	247.999.200.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	248.129.534.259 đồng
Trụ sở chính	:	Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại	:	0274 3755143
Số fax	:	0274 3755415
Website	:	www.protradegarment.com
Mã cổ phiếu	:	BDG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1989

Thành lập vào tháng 11 năm 1989 với tiền thân là Xí nghiệp May mặc Hàng xuất khẩu, trực thuộc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương. Hai dòng sản phẩm chủ lực là áo jacket và hàng thun. Kết quả sản xuất kinh doanh khả quan cùng chính sách đổi mới từ năm 1986 đã tạo tiền đề để Công ty mở rộng quy mô và khẳng định uy tín trên thị trường quốc tế.

2007

Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương được thành lập theo Quyết định thành lập và bổ nhiệm thành viên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2014

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 03/04/2014 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương trực thuộc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV.

2015

01/10/2015: Tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Công ty tổ chức đấu giá lần đầu ra công chúng với 2.701.981 cổ phần, tương đương 22,52% vốn điều lệ và đã bán hết với giá trúng thầu bình quân 20.577 đồng/cổ phần.

01/12/2015: Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương.

2016

Ngày 15/01/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 281/UBCK-GSĐC. Ngày 06/04/2016, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BDG.

2022

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 247,9992 tỷ đồng thông qua hai hình thức: phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

2024

Sau 35 năm hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng được nền tảng vững chắc với đội ngũ hơn 1.800 nhân sự tâm huyết, sáng tạo và chuyên nghiệp. Tư duy phát triển bền vững gắn liền với cam kết về chất lượng sản phẩm, tinh thần trách nhiệm và đổi mới không ngừng đã tạo nên dấu ấn rõ nét về tăng trưởng doanh thu, mở rộng thị trường và xây dựng niềm tin vững chắc nơi khách hàng và cộng đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất quần áo may sẵn (Chính)
- Sản xuất các đồ phụ trợ (cổ cồn đăng ten, thuê ren, thắt lưng)
- Mua bán hàng may thêu
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở)

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính

số 7/128 Khu Phố Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

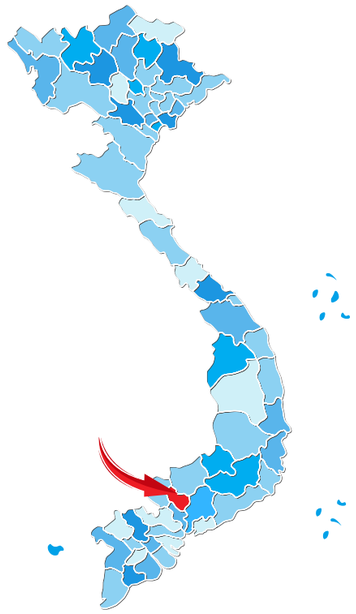

Thị trường

Về cơ cấu thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu vào thị trường xuất khẩu. Trong khi thị trường nội địa chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu thông qua các đơn hàng gia công cho các doanh nghiệp trong nước, thì thị trường xuất khẩu đóng vai trò chủ lực, đặc biệt là tại khu vực Châu Âu và Mỹ – hai thị trường truyền thống và chiến lược của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, là nơi để khách hàng đặt niềm tin về chất lượng và kiểu mẫu..

SỨ MỆNH

- **Duy trì và hướng tới sự phát triển bền vững:** thành công của công ty sẽ góp phần bảo vệ môi trường xanh và mang lại những giá trị cốt lõi hữu ích cho xã hội.
- **Mang lại sự hài lòng cao nhất cho mỗi khách hàng:** Hợp tác trên cơ sở chia sẻ lợi ích một cách toàn diện và hiệu quả bằng những sản phẩm tốt nhất và chất lượng dịch vụ cao nhất.
- **Tạo dựng một môi trường:** đầu tư chuyên nghiệp và hiệu quả cùng với môi trường làm việc lý tưởng, thân thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Liêm chính, Trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

Tôn trọng công ty, tôn trọng đối tác, tôn trọng đồng nghiệp.

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tập trung phát triển chuyên sâu hai dòng sản phẩm chủ lực có tỷ trọng đóng góp cao vào lợi nhuận, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp cận đa dạng hơn các tệp khách hàng. Công ty xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ công nhân nhằm đáp ứng yêu cầu công nghệ mới trong sản xuất, từ đó đảm bảo chất lượng đồng đều và vượt trội trên từng sản phẩm.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Cải tiến quy trình sản xuất

Tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại như Lean Manufacturing và công nghệ giặt (Washing Technology) nhằm giảm thiểu chi phí, hạn chế hao hụt trong quá trình sản xuất và nâng cao hiệu suất trên từng đơn vị sản phẩm.

Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu

ìm kiếm và khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt là khu vực Châu Phi và các quốc gia có nhu cầu cao trong ngành may mặc. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm mở rộng mạng lưới phân phối toàn cầu.

Phát triển nguồn nhân lực

Tạo dựng môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sáng tạo và hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh đào tạo chuyên môn để nâng cao tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó, chú trọng các chính sách phúc lợi nhằm giữ chân nhân sự chất lượng cao và tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty.

Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng

Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng: Mở rộng mạng lưới nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một nguồn nguyên liệu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng đầu vào để đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đạt chuẩn, phục vụ hiệu quả cho quá trình sản xuất.

Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội

Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội: Đầu tư vào các dự án sản xuất sạch và thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng. Xây dựng kế hoạch di dời và đầu tư mới các nhà xưởng tại những khu vực đáp ứng hoặc tiệm cận tiêu chuẩn LEED, góp phần giảm thiểu ô nhiễm và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trách nhiệm.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Môi trường

- Giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường: Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp giảm phát thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng nguyên liệu trong toàn bộ quy trình sản xuất nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.
- Chuyển đổi sang năng lượng sạch: Đẩy mạnh đầu tư vào các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống và từng bước hiện thực hóa mục tiêu giảm thiểu lượng khí thải carbon.

Xã hội

- Bảo đảm điều kiện làm việc và phúc lợi người lao động: Công ty không ngừng cải thiện môi trường làm việc, tăng cường đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi phù hợp với sức lao động và đóng góp của người lao động.
- Đào tạo và phát triển kỹ năng: Tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới công nghệ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

Cam kết

- Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương: Công ty triển khai các chương trình hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và thúc đẩy phát triển kinh tế tại các khu vực lân cận nơi doanh nghiệp hoạt động, góp phần cải thiện đời sống người dân.
- Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững: Phát triển các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường và đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của tiêu dùng bền vững, góp phần xây dựng một hệ sinh thái tiêu dùng có trách nhiệm.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

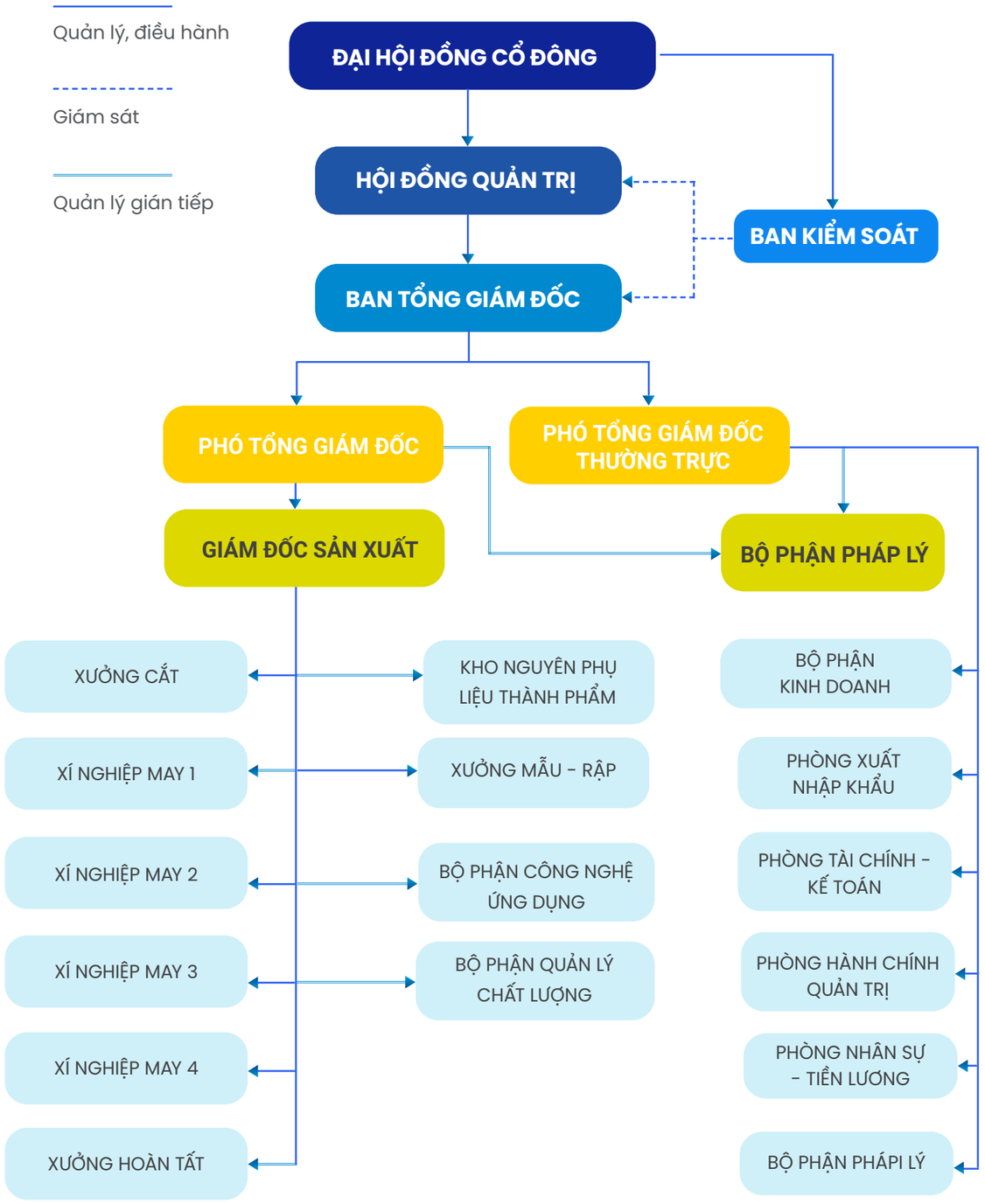

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ một (01) lần mỗi năm và có thể được triệu tập bất thường khi cần thiết. Địa điểm tổ chức Đại hội phải được xác định là nơi chủ tọa tham dự và nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế các thành viên Hội đồng quản trị; thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quyết định mức cổ tức hàng năm; lựa chọn đơn vị kiểm toán và thực hiện các quyền khác theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có quyền đại diện Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm Công ty hoạt động tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đối xử công bằng với cổ đông và các bên liên quan.

Tính đến ngày 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty gồm 07 thành viên. Tất cả thành viên đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát thẩm định các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và năm của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; đánh giá hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị để báo cáo Đại hội đồng cổ đông; đồng thời kiến nghị các giải pháp cải tiến mô hình tổ chức, quản lý và điều hành Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc điều hành các hoạt động của Công ty theo định hướng chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt. Ban điều hành có nhiệm vụ bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, vận hành hiệu quả, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông và các bên liên quan.

Thành phần Ban điều hành bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

Địa chỉ : Lô số 20 - 8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, Tp. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính : Wash

Tỷ lệ sở hữu của BDG: 76,08%

CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNDRY

Địa chỉ : Số 75 Lô M, Đường số 10, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính : May mặc, wash

Tỷ lệ sở hữu của BDG: 99,80%

(đã giải thể theo Thông báo ngày 13/09/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương)

CÔNG TY LIÊN KẾT CTCP May mặc Bình Dương không có công ty liên kết.

CÁC CHỨNG NHẬN

Chứng chỉ Tuân thủ theo chuẩn WRAP

Chứng chỉ STeP theo tiêu chuẩn OEKO-TEX

Chứng chỉ ISO 14001:2015

Chứng chỉ ISO 9001:2015

Chứng chỉ Hệ thống Quản lý trách nhiệm Xã hội SA8000

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Huân chương lao động hàng nhì

Chủ tịch nước

Hiệp hội dệt may có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngành Công Thương

Giám đốc Sở Công thương tỉnh Bình Dương

Đơn vị tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy chữa cháy

Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương

Đơn vị có thành tích trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương

Đơn vị có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo

UBND tỉnh Bình Dương

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng bởi suy thoái kéo dài, căng thẳng địa chính trị và chi phí logistics leo thang do xung đột tại Trung Đông và Biển Đỏ, gây áp lực lớn lên hoạt động xuất khẩu, đặc biệt tại thị trường châu Âu. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng hàng rào thuế quan, cùng các tiêu chuẩn khắt khe hơn về môi trường và lao động trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) và cam kết Net Zero tiếp tục buộc ngành may mặc phải tăng chi phí đầu tư vào cải tiến công nghệ và nâng cao năng lực lao động.

Trong nước, kinh tế phục hồi chậm, lạm phát và chi phí tài chính gây áp lực lên doanh nghiệp. Ngành may mặc Việt Nam tiếp tục phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu, khiến nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng luôn hiện hữu, đặc biệt trong bối cảnh hơn 50% nguyên liệu đầu vào đến từ Trung Quốc.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động cập nhật diễn biến thị trường, đánh giá tác động và kịp thời triển khai các giải pháp phù hợp. Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ lean manufacturing, nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo nhân lực và quảng bá thương hiệu để đáp ứng yêu cầu từ các hiệp định thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu bền vững trong tương lai.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Cũng như các doanh nghiệp khác, BDG chịu ảnh hưởng từ các chính sách pháp lý và điều chỉnh trong hệ thống pháp luật do Nhà nước ban hành. Với tư cách là công ty đại chúng có quy mô lớn, đang đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, BDG chịu ảnh hưởng bởi các quy định pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác.

Những điều chỉnh, bổ sung trong hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc tại các quốc gia xuất khẩu hàng hóa có thể làm phát sinh chi phí tuân thủ mới hoặc ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty. Việc ban hành hoặc siết chặt các quy định về xuất xứ hàng hóa, kiểm soát chất lượng, tiêu chuẩn môi trường, lao động... từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) hoặc thị trường nhập khẩu có thể khiến Công ty chịu áp lực trong việc thay đổi quy trình sản xuất, tăng chi phí hoặc mất khả năng tiếp cận thị trường.

Nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, BDG thường xuyên rà soát, ban hành và cập nhật các quy trình nội bộ, quy chế quản lý, đồng thời theo dõi sát diễn biến pháp luật trong nước và quốc tế. Công ty cũng chú trọng phổ biến, hướng dẫn thực thi pháp luật cho đội ngũ nhân sự, bảo đảm hoạt động sản xuất – kinh doanh luôn tuân thủ đúng quy định và thích ứng kịp thời với các thay đổi pháp lý.

RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

Là doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu và sản phẩm, BDG chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động lãi suất và tỷ giá. Lãi suất và tỷ giá là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tài chính của BDG, đặc biệt khi Công ty có nhu cầu sử dụng vốn vay ngắn hạn lớn để đảm bảo sản xuất vận hành liên tục và duy trì dòng tiền ổn định. Biến động lãi suất làm tăng chi phí tài chính, từ đó có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận trong ngắn hạn.

Năm 2024, chính sách tiền tệ toàn cầu tiếp tục có nhiều biến động. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã ba lần cắt giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh lạm phát dần tiệm cận mục tiêu. Việc giảm lãi suất của FED khiến USD mạnh lên gây áp lực mất giá lên nhiều đồng tiền của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong nước, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao trong nửa đầu năm và chỉ có xu hướng hạ nhẹ về cuối năm. Điều này tiếp tục tạo áp lực chi phí tài chính lên các doanh nghiệp có sử dụng vốn vay lớn, đặc biệt là khối sản xuất, gia công xuất khẩu.

Trước những rủi ro này, Công ty chủ động theo dõi sát biến động thị trường tài chính, điều chỉnh cơ cấu vốn và kế hoạch sản xuất – kinh doanh cho phù hợp. Đồng thời, BDG phân tích diễn biến tiền tệ để tối ưu hoạt động mua bán, nâng cao hiệu quả chi phí, tái cấu trúc tệp khách hàng và tăng cường hợp tác chiến lược nhằm duy trì lợi nhuận ổn định trong bối cảnh nhiều biến động.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực gia công may mặc (CM - Cut & Make), Công ty phải đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng cả trong và ngoài nước. Hoạt động cắt - may - hoàn thiện có rào cản gia nhập thấp, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp mới tham gia. Các quốc gia như Bangladesh, Myanmar, Campuchia,... với mức giá gia công thấp gây sức ép trực tiếp đến biên lợi nhuận của các công ty may mặc tại Việt Nam. Trong khi đó, chi phí nhân công và chi phí tuân thủ tại Việt Nam có xu hướng tăng, làm giảm khả năng cạnh tranh về giá.

Ngoài ra, các yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng quốc tế về môi trường, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn lao động gây thêm áp lực cho Công ty. Các doanh nghiệp tích hợp toàn chuỗi từ nguyên liệu đến thành phẩm (ODM, FOB) cũng chiếm ưu thế rõ rệt so với mô hình gia công CM.

Nhận thức được mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty định hướng nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hóa chi phí, giữ vững chất lượng và thời gian giao hàng nhằm củng cố uy tín với khách hàng hiện tại, đồng thời xây dựng chiến lược phát triển bền vững để thích ứng với yêu cầu mới của thị trường.

CÁC RỦI RO

RỦI RO THIẾU HỤT NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong ngành may mặc, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô sản xuất như BDG. Ngành may mặc đòi hỏi lực lượng lao động lớn, trong khi việc tuyển dụng lao động có tay nghề cao ngày càng khó khăn. Tỷ lệ nghỉ việc và dịch chuyển lao động trong ngành khá cao, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm và làm gia tăng chi phí đào tạo lại. Việc thích ứng với yêu cầu công nghệ mới (như tự động hóa, lean manufacturing) đòi hỏi nguồn nhân lực phải được đào tạo chuyên sâu. Tuy nhiên, chi phí và thời gian đào tạo lớn, trong khi khả năng giữ chân người lao động sau đào tạo vẫn còn là thách thức. Bên cạnh đó, những thay đổi trong quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm và tiền lương có thể làm gia tăng chi phí và rủi ro tuân thủ cho Công ty nếu không theo sát và điều chỉnh kịp thời.

Tại Việt Nam, đầu năm 2024 ghi nhận tình trạng thiếu hụt lao động ngành dệt may. Mặc dù tình hình đã dần ổn định hơn trong nửa cuối năm, nhưng đây vẫn là rủi ro cần phải kiểm soát kịp thời để không ảnh hưởng để sản lượng và doanh thu của Công ty.

Trước những thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty tập trung tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm hạn chế chi phí phát sinh, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện để thu hút và giữ chân đội ngũ lao động tay nghề cao. BDG không ngừng xây dựng chính sách phúc lợi phù hợp và tăng cường công tác đào tạo, phát triển kỹ năng nhằm nâng cao năng suất và ổn định lực lượng lao động lâu dài.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Ngành dệt may phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào như vải, sợi, phụ liệu..., trong đó phần lớn phải nhập khẩu, đặc biệt từ thị trường Trung Quốc. Biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới do căng thẳng địa chính trị, chi phí logistics, tỷ giá hoặc chính sách kiểm soát xuất khẩu từ các nước cung ứng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và biên lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, việc chậm trễ trong giao hàng hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng cũng có thể khiến chi phí đầu vào tăng đột biến, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và uy tín với khách hàng. Việc sử dụng nguyên vật liệu không đạt chuẩn có thể dẫn đến lỗi sản phẩm, giảm chất lượng đầu ra, không đáp ứng yêu cầu của khách hàng và ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty chủ động theo dõi diễn biến thị trường, đa dạng hóa nguồn cung, kiểm soát chặt chất lượng đầu vào và xây dựng các phương án dự trữ hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được duy trì ổn định.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro về kinh tế, pháp lý và thị trường, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương còn đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh, hỏa hoạn và thiên tai. Mặc dù các sự kiện này xảy ra không thường xuyên, nhưng có thể gây tổn thất nghiêm trọng về con người, tài sản và gián đoạn hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Để chủ động ứng phó, Công ty đã triển khai các biện pháp phòng ngừa như mua bảo hiểm cho tài sản và người lao động, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện an toàn lao động. Đồng thời, Công ty tổ chức định kỳ các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp cho toàn thể nhân sự.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác đông liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

SẢN LƯỢNG

ĐVT: Chiếc

Sản lượng	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH 2024
Sơ mi	1.486.364	1.523.440	1.530.557	102,49%	99,54%
Jean thời trang	1.149.665	1.438.377	1.145.506	125,11%	125,57%
Jean cơ bản	1.302.306	1.433.508	1.604.093	110,07%	89,37%
Tổng sản lượng	**3.938.335**	**4.395.325**	**4.280.156**	**111,60%**	**102,69%**

Năm 2024, tổng sản lượng sản xuất của Công ty đạt 4.395.325 sản phẩm, tăng 11,6% so với năm 2023 (3.938.335 sản phẩm) và hoàn thành 102,69% kế hoạch đề ra. Kết quả này cho thấy năng lực sản xuất của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định, đồng thời thể hiện khả năng linh hoạt trong điều phối và đáp ứng đơn hàng.

Sản lượng sơ mi đạt 1.523.440 chiếc, tăng nhẹ 2,49% so với năm 2023. Tuy nhiên, sản lượng thực tế chỉ đạt 99,54% so với kế hoạch năm, chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ mặt hàng này duy trì ở mức ổn định, không có đột biến.

Jean thời trang là nhóm sản phẩm có tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024 với 1.438.377 chiếc, tăng 25,11% so với năm 2023 và vượt 25,57% kế hoạch. Mức tăng mạnh này xuất phát từ sự gia tăng đơn hàng tại thị trường Mỹ do có sự dịch chuyển đơn hàng từ các nước như Bangladesh, Myanmar,... sang Việt Nam vào nửa cuối năm 2024.

Sản lượng jean cơ bản đạt 1.433.508 chiếc, tăng 10,07% so với năm trước. Tuy vậy, sản lượng thực tế chỉ đạt 89,37% kế hoạch do trong năm Công ty cân đối sản lượng sản xuất giữa hàng jean thời trang và jean cơ bản.

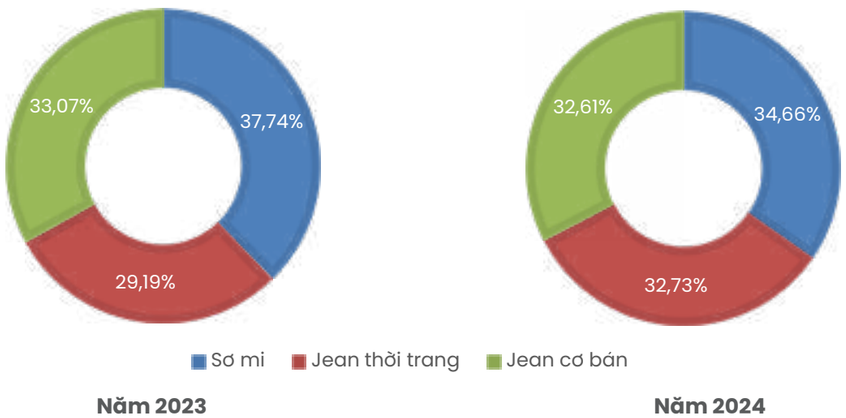

CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán thành phẩm	1.466.534	94,01%	1.754.330	96,58%	119,62%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	92.035	5,90%	59.836	3,29%	65,01%
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	1.356	0,09%	2.364	0,13%	174,28%
Tổng doanh thu thuần	**1.559.925**	**100%**	**1.816.530**	**100%**	**116,45%**

Thị trường xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò chủ lực, chiếm trên 95% tổng doanh thu. Các thị trường chính gồm châu Âu và Mỹ, nơi BDG đã xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định và uy tín lâu năm. Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu trong năm chủ yếu nhờ nhu cầu tăng trở lại hậu Covid, cùng với sự gia tăng sản lượng do sự dịch chuyển đơn hàng từ các thị trường Bangladesh, Myanmar,... sang Việt Nam và việc BDG nâng cao năng lực sản xuất – quản trị chất lượng để đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe từ khách hàng quốc tế. Thị trường nội địa chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng và gia công trong nước.

Năm 2024, tổng doanh thu của Công ty đạt 1.816.530 triệu đồng, tăng 16,45% so với năm 2023, tương đương tăng 256.605 triệu đồng. Động lực tăng trưởng chính đến từ sự gia tăng mạnh mẽ của đơn hàng thành phẩm xuất khẩu. Doanh thu bán thành phẩm tiếp tục là nguồn thu chủ lực, đạt 1.754.330 triệu đồng, chiếm 96,58% tổng doanh thu, tăng 19,62% so với năm trước. Mức tăng trưởng này phản ánh hiệu quả trong việc tận dụng các đơn hàng xuất khẩu tăng cao trong năm. Doanh thu từ dịch vụ gia công giảm xuống còn 59.836 triệu đồng, tương đương 3,29% tổng doanh thu. Doanh thu từ bán nguyên liệu, phế liệu tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng tăng gần 74,28% so với năm 2023, nhờ việc tối ưu lượng nguyên phụ liệu tồn kho trong bối cảnh sản xuất mở rộng, giúp giảm lãng phí và gia tăng nguồn thu bổ sung.

4.395 Tr. Chiếc
Sản lượng sản xuất

1.816,53 Tỷ đồng
Doanh thu thuần

210,31 Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế

175,63 Tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Sản lượng	ĐVT	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH 2024
Vốn điều lệ	Triệu đồng	247.999	247.999	247.999	100%	100%
Tổng sản lượng	Chiếc	3.938.335	4.395.325	4.280.156	111,60%	102,69%
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	1.611.505	1.878.548	1.574.325	116,57%	119,32%
Tổng chi phí (**)	Triệu đồng	1.453.075	1.668.237	1.458.206	114,81%	114,40%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	158.430	210.310	116.119	132,75%	181,12%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	122.561	175.634	93.844	143,30%	187,16%

(*) Tổng doanh thu = Doanh thu thuần + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác

(**)) Tổng chi phí SXKD = Giá vốn bán hàng + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp +Chi phí khác

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã đạt được nhiều kết quả tích cực, khi phần lớn các chỉ tiêu quan trọng đều tăng trưởng so với năm 2023 và vượt kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng sản xuất đạt 4.395.325 sản phẩm, vượt 2,69% so với kế hoạch và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, nhờ vào nhu cầu thị trường phục hồi, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024.

Tổng doanh thu của Công ty trong năm ghi nhận ở mức 1.878.548 triệu đồng, tăng 16,57% so với năm 2023 và vượt 19,32% kế hoạch năm. Đây là kết quả của việc nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất. Song song đó, tổng chi phí sản xuất – kinh doanh ở mức 1.668.237 triệu đồng, tăng 14,81%, chủ yếu do gia tăng chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương và chi phí bảo hiểm của người lao động.

Lợi nhuận trước thuế đạt 210.310 triệu đồng, vượt kế hoạch hơn 81,12% kế hoạch và tăng gần 32,75% so với cùng kỳ. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 175.634 triệu đồng, tăng 43,30% so với năm 2023 và hoàn thành 187,16% kế hoạch năm – một kết quả tích cực thể hiện hiệu quả trong quản lý chi phí, kiểm soát rủi ro và cải thiện biên lợi nhuận.

Nhìn chung, năm 2024 là một năm tăng trưởng của BDG cả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Kết quả này không chỉ khẳng định nội lực ổn định của Công ty mà ccòn là sự nỗ lực của Hội đồng quản tri, Ban điều hành cùng tập thể người lao động Công ty trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thách thức.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 15/07/1971 **Nơi sinh:** Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

09/1996 – 02/2004	Phó phòng kế toán Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
03/2004 – 12/2006	Kế toán trưởng Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
01/2007 – 11/2015	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc tài chính Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương.
08/2022 – 2024	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.
12/2015 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 15.410 cổ phần ~ 0,06 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 26/12/1970 **Nơi sinh:** Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

05/2000 – 03/2005	Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
04/2005 – 12/2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu 3/2 trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
01/2007 – 11/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.
12/2015 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 15.410 cổ phần ~ 0,06 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUÂN

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ngày sinh: 30/10/1975 **Nơi sinh:** Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Phát triển Thời trang

Quá trình công tác:

04/2003 – 12/2006	Phó phòng kế toán Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu trực thuộc Công ty Sản xuất xuất nhập khẩu Bình Dương
01/2007 – 11/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên May Mặc Bình Dương
12/2015 – 09/2022	Giám đốc tài chính Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương
07/2021 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương
1/1/2024 – nay	Phó tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Phát triển Thời trang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 18.523 cổ phần ~ 0,07 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

BÀ NGUYỄN MINH THÙY

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 23/06/1992 **Nơi sinh:** Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

10/2014 – 12/2015	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.
12/2015 – 06/2021	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
06/2021 – 12/2023	Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần May mặc Bình Dương .
01/2024 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 1.406 cổ phần ~ 0,01 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**1.887**	**100%**
1	Trên đại học	1	0,05%
2	Đại học	109	5,78%
3	Cao đẳng	107	5,67%
4	Trung cấp	36	1,91%
5	Lao động phổ thông	1634	86,59%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1634**	**86,59%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	798	42,29%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.075	56,97%
3	Hợp đồng theo thời vụ	14	0,74%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

Trường hợp bổ nhiệm

- Nguyễn Xuân Quân - Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Nguyễn Minh Thùy - Kế toán trưởng

Trường hợp miễn nhiệm

- Đoàn Thị Kim Ngân - Kế toán trưởng

THEO TRÌNH ĐỘ

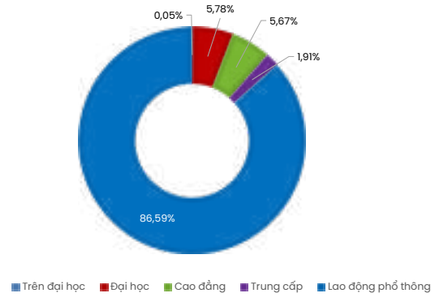

THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

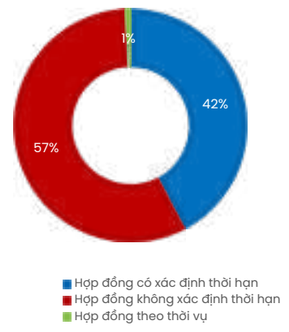

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng tăng, BDG đa dạng hóa nguồn tuyển dụng, từ hệ thống trường nghề, trung tâm giới thiệu việc làm đến các kênh truyền thông xã hội. Công ty xây dựng quy trình đánh giá ứng viên minh bạch, khách quan, thông qua các bài kiểm tra tay nghề và năng lực chuyên môn. Đối với lao động phổ thông chưa có kinh nghiệm, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nội bộ theo lộ trình rõ ràng, giúp người lao động nhanh chóng nắm bắt công việc, rút ngắn thời gian làm quen và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

VỀ TUYỂN DỤNG

BDG xác định đào tạo là yếu tố trọng tâm giúp nâng cao tay nghề, đảm bảo chất lượng và tính đồng đều trong từng sản phẩm. Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với từng bộ phận và được triển khai định kỳ trong suốt quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty khuyến khích người lao động tham gia các khóa học bên ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển tư duy nghề nghiệp và mở rộng cơ hội thăng tiến. Chính sách này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo động lực gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Tại BDG, con người luôn được xem là trung tâm của mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nhận thức rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực trong việc duy trì năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng xây dựng và triển khai chính sách nhân sự toàn diện.

BDG luôn duy trì môi trường làm việc thân thiện, an toàn và công bằng. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, an toàn vệ sinh lao động và các tiêu chuẩn quốc tế như WRAP, SA8000, ISO 14001:2015; ISO 9001:2015, OEKO-TEX®. BDG cũng tham gia chương trình Better Work – một sáng kiến hợp tác giữa Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), nhằm đánh giá và cải thiện điều kiện làm việc trong ngành dệt may. Môi trường làm việc của Công ty được xây dựng dựa trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và hướng tới phát triển bền vững.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Chính sách tiền lương của BDG được xây dựng dựa trên khung lương tối thiểu theo quy định của pháp luật, đồng thời có điều chỉnh theo năng suất, khu vực địa lý và biến động thị trường lao động. Ngoài thu nhập cơ bản, Công ty áp dụng các hình thức khen thưởng định kỳ, thưởng hiệu suất, thưởng đột xuất nhằm ghi nhận đóng góp nổi bật của cá nhân và tập thể. Qua đó, BDG không chỉ tạo động lực làm việc mà còn xây dựng hệ thống giữ chân nhân sự hiệu quả, ổn định nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất dài hạn.

VỀ LƯƠNG THƯỞNG

BDG triển khai chính sách phúc lợi đa dạng, hướng đến việc đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể nhân sự tham gia bảo hiểm xã hội và các chương trình chăm sóc sức khỏe khác. Bên cạnh đó, các hoạt động tập thể như ngày hội thể thao, dã ngoại, tiệc tất niên và các chương trình giao lưu nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự gắn kết, nâng cao tinh thần làm việc tập thể. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng con em cán bộ – công nhân viên đạt thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ chi phí về quê đón Tết, thể hiện sự quan tâm đến đời sống gia đình người lao động.

VỀ PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Máy móc thiết bị: 08 chiếc, trị giá 822 triệu đồng. Mục đích: thay thế máy cũ.

Thiết bị truyền dẫn, nhà xưởng: Đầu tư 01 nồi hơi 300kg/h tại Xưởng Hoàn tất, trị giá 205 triệu đồng, thay thế nồi hơi cũ sử dụng lâu năm và không đạt chất lượng an toàn. Bên cạnh đó, xây dựng nhà để lò hơi, trị giá 138 triệu đồng, giữ khoảng cách an toàn nhưng vẫn đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Công tác PCCC được công ty chú trọng và đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

- Công ty đã triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống PCCC theo Văn bản số 576/PC07-CTPC ngày 12/06/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Bình Dương hướng dẫn giải pháp PCCC đối với cơ sở hoạt động trước Luật PCCC. Dự án bao gồm hồ chứa nước PCCC (700m3), hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler và trạm bơm cấp nước chữa cháy. Công trình hoàn thành, nghiệm thu, đủ điều kiện hoạt động vào Tháng 03/2024, với tổng chi phí đầu tư là 9 tỷ đồng.
- Công ty tiếp tục đầu tư sửa chữa nhà xưởng, trang bị thêm hệ thống PCCC cho Xưởng Hoàn tất, Khu A cắt chỉ, Kho phụ liệu và Khu may nhãn. Công trình hoàn thành nghiệm thu, đủ điều kiện hoạt động vào Tháng 08/2024, với tổng chi phí đầu tư là 8,7 tỷ đồng.

Tình hình sử dụng sau đầu tư: Toàn bộ máy móc thiết bị, thiết bị truyền dẫn, thiết bị quản lý, ... đầu tư mới đều được đưa vào sử dụng ngay sau khi lắp đặt, hiệu suất sử dụng cao và góp phần tăng năng suất, giảm thời gian tăng giờ. Hệ thống PCCC sau khi đầu tư, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNDRY

Ngày 13/09/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã ra thông báo về việc giải thể/chấm dứt tồn tại của Công ty Cổ phần Protrade Launry. Theo đó, căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2024 của Công ty Cổ phần Protrade Launry về việc phân chia tài sản còn lại cho cổ đông sau giải thể, Công ty nhận được số tiền là 15.556.989.116 VND tương ứng với 99,8% cổ phần tại Công ty Protrade Launry. Việc giải thể Công ty Cổ phần Protrade Launry không làm phát sinh lãi/lỗ trên đối với kết quả kinh doanh của BDG.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

Các nhà máy may sử dụng wash để đạt được yêu cầu cần thiết nhằm hoàn thiện sản phẩm trước khi đưa tiêu thụ ngoài thị trường. Xét về yếu tố thời trang, mẫu wash quyết định đến 50 - 60% khả năng nhận được các đơn hàng về jeans và xét tỷ trọng về giá trị gia tăng trong giá xuất khẩu hàng jeans thì khâu làm thời trang và giặt nhuộm chiếm từ 30-40% giá trị xuất khẩu. Vì thế xu thế hiện nay các công ty sản xuất hàng jeans có quy mô lớn đều cần phải đầu tư vào xây dựng nhà máy wash vì đây là công đoạn chính tạo nên giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho công ty may.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	254.603	255.749	100,45%
Doanh thu thuần	171.800	250.613	145,87%
Lợi nhuận sau thuế	-3.383	47.487	-

Với mục tiêu đảm bảo cho sự ổn định lâu dài của Công ty May, hiện tại Công ty May đang sở hữu 76,08% cổ phần của FDC. Năm 2024, Công ty May đã có các yêu cầu cao hơn về mặt chất lượng với FDC. Tỷ lệ hàng phế wash trong năm giảm đáng kể. Từ đó, giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh cả hai bên đều đạt hiệu quả.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của FDC như sau:

- Doanh thu thuần là 250,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế là 47 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	1.011.709	1.132.623	111,95%
Doanh thu thuần	1.559.925	1.816.530	116,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	156.954	203.656	129,76%
Lợi nhuận khác	1.477	6.654	450,62%
Lợi nhuận trước thuế	158.430	210.311	132,75%
Lợi nhuận sau thuế	122.561	175.634	143,30%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	25%	-(*)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35,30%	- (*)	-

(*): Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2024 sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Năm 2024, BDG ghi nhận nhiều chỉ tiêu tài chính tăng trưởng ấn tượng. Tổng giá trị tài sản đạt 1.132.623 triệu đồng, tăng 11,95% so với năm 2023. Mức tăng này chủ yếu đến từ việc gia tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

Trước tín hiệu phục hồi mạnh từ thị trường may mặc thế giới, cùng với nội lực vận hành hiệu quả, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.816.530 triệu đồng, tăng hơn 16,45% so với năm trước. Nhờ đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh gần 29,76% so với cùng kỳ, cho thấy hiệu quả trong khâu kiểm soát chi phí và tối ưu năng suất.

Lợi nhuận khác năm 2024 đạt 6.654 triệu đồng, tăng mạnh so với mức 1.477 triệu đồng của năm 2023. Tuy nhiên, mức tăng này chủ yếu do trong năm 2023 Công ty ghi nhận các khoản thu từ phạt và truy thu, trong khi năm 2024 các khoản này giảm đáng kể, dẫn đến cơ cấu lợi nhuận khác thay đổi.

Kết thúc năm 2024, lợi nhuận sau thuế của BDG đạt 175.634 triệu đồng, tăng 43,3% so với năm 2023. Mức tăng này tiếp tục phản ánh hiệu quả trong việc tận dụng đà phục hồi của ngành may mặc, kiểm soát chi phí và mở rộng đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, so với mức tăng trưởng vượt bậc của năm 2023, đây là mức tăng ổn định và hợp lý, cho thấy Công ty đang bước vào giai đoạn tăng trưởng bền vững hơn, với chất lượng lợi nhuận được cải thiện rõ rệt thay vì chỉ tăng mạnh về quy mô.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,05	2,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,36	1,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	45,94	42,42
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	84,99	73,68
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,86	6,11
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,49	1,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,86	9,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,82	29,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,69	16,38
Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	%	10,06	11,21

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2024, khả năng thanh toán của BDG tiếp tục được cải thiện. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 2,05 lần lên 2,08 lần, chủ yếu nhờ tăng tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn, giúp Công ty cân đối hiệu quả giữa dòng tiền và nghĩa vụ nợ. Cùng với đó, tài sản ngắn hạn tăng hơn 17,14%, trong khi nợ ngắn hạn chỉ tăng nhẹ 3,38% so với năm 2023 – chủ yếu do Công ty vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất.

Hệ số thanh toán nhanh cũng được cải thiện đáng kể từ 1,36 lần lên 1,53 lần, cho thấy năng lực thanh toán tức thời của Công ty ở mức an toàn. Mức cải thiện này một phần đến từ việc hàng tồn kho chiếm 26,25% cơ cấu tài sản ngắn hạn và giảm 8,49% so với năm trước, công tác quản lý nguyên vật liệu và kiểm soát tồn kho phù hợp với tiến độ sản xuất.

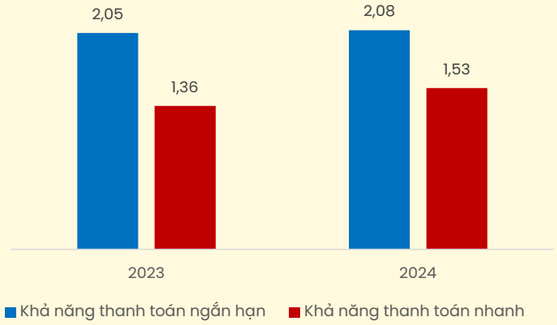

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2024, cả hai chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu của BDG đều ghi nhận xu hướng giảm. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 45,94% xuống 42,42%, trong khi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 84,99% xuống 73,68.

Tổng tài sản đạt 1.132.623 triệu đồng, tăng 11,95% so với năm 2023 chủ yếu nhờ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng mạnh. Đây là kết quả từ việc Công ty tận dụng hiệu quả dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đồng thời chủ động phân bổ nguồn vốn vào các khoản đầu tư ngắn hạn an toàn, nhằm vừa tối ưu lãi suất sinh lời, vừa giữ vững tính thanh khoản.

Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 31,27% so với cùng kỳ, tương đương khoảng 68.832 triệu đồng, từ kết quả kinh doanh trong năm. Sự gia tăng này góp phần làm vững chắc nền tảng vốn chủ sở hữu (tăng 19,24% so với năm trước), đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính tổng thể theo hướng bền vững.

Trong khi đó, nợ phải trả chỉ tăng 3,38% chỉ tăng nhẹ 3,28% so với năm 2023 chủ yếu đến từ việc tăng nhẹ các khoản vay ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ, mang tính chất luân chuyển, giúp Công ty chủ động đảm bảo nguồn lực tài chính ngắn hạn để vận hành ổn định mà không làm gia tăng áp lực nợ dài hạn.

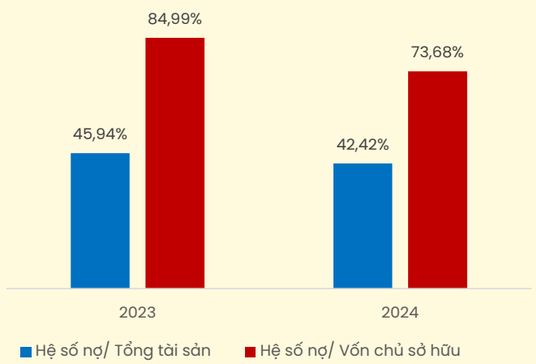

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2024, các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động của BDG tiếp tục ghi nhận cải thiện tích cực. Vòng quay hàng tồn kho đạt 6,11 vòng, tăng gần 1,25 vòng so với năm trước. Mức tăng này phản ánh hiệu quả trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Giá vốn hàng bán tăng theo doanh thu (11,45% so với cùng kỳ). Hàng tồn kho năm 2024 giảm 8,49% so với năm 2023. Điều này cho thấy tốc độ luân chuyển hàng hóa của Công ty được cải thiện rõ rệt.

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,49 vòng lên 1,69 vòng, thể hiện năng lực khai thác tài sản hiệu quả hơn trong việc tạo ra doanh thu. Sự cải thiện này đến từ việc doanh thu thuần tăng 16,45% so với năm 2023 khi Công ty tiếp cận được nhiều đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu. Song song đó, tổng tài sản của Công ty tăng 11,95% nhờ các tài sản có tính thanh khoản cao tăng mạnh.

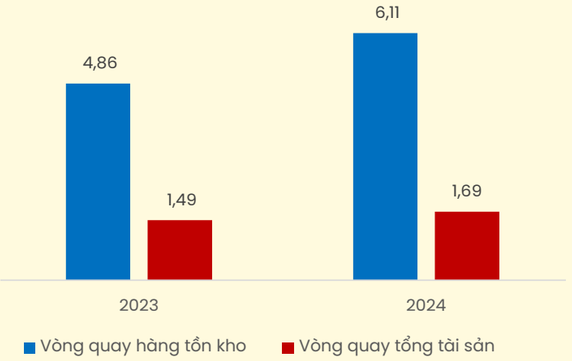

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2024, khả năng sinh lời của BDG được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua việc cả bốn chỉ tiêu đánh giá hiệu quả lợi nhuận đều tăng so với năm 2023.

- ROS tăng từ 7,86% lên 9,67%, cho thấy biên lợi nhuận được cải thiện nhờ kiểm soát tốt giá vốn và chi phí hoạt động trong khi doanh thu tăng mạnh.
- ROA tăng từ 11,69% lên 16,38%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận của Công ty được nâng cao đáng kể.
- ROE tăng từ 22,82% lên 29,30%, phản ánh năng lực sinh lời mạnh mẽ trên phần vốn thực có của cổ đông, nhờ vào sự gia tăng lợi nhuận sau thuế và nền tảng vốn chủ sở hữu vững chắc.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần cũng tăng từ 10,06% lên 11,21%, chứng minh hiệu quả trong hoạt động cốt lõi – sản xuất và gia công may mặc.

Nhìn chung, các chỉ số sinh lời năm 2024 thể hiện sự tối ưu hóa trong quản trị chi phí, sử dụng tài sản và vốn, qua đó giúp BDG củng cố nền tảng tài chính và nâng cao giá trị cho cổ đông.

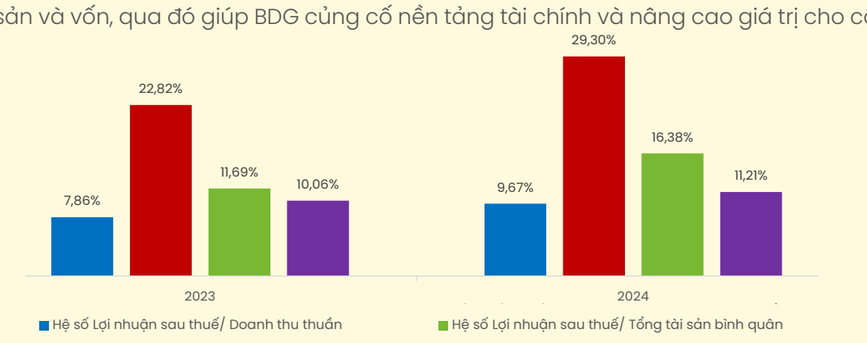

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

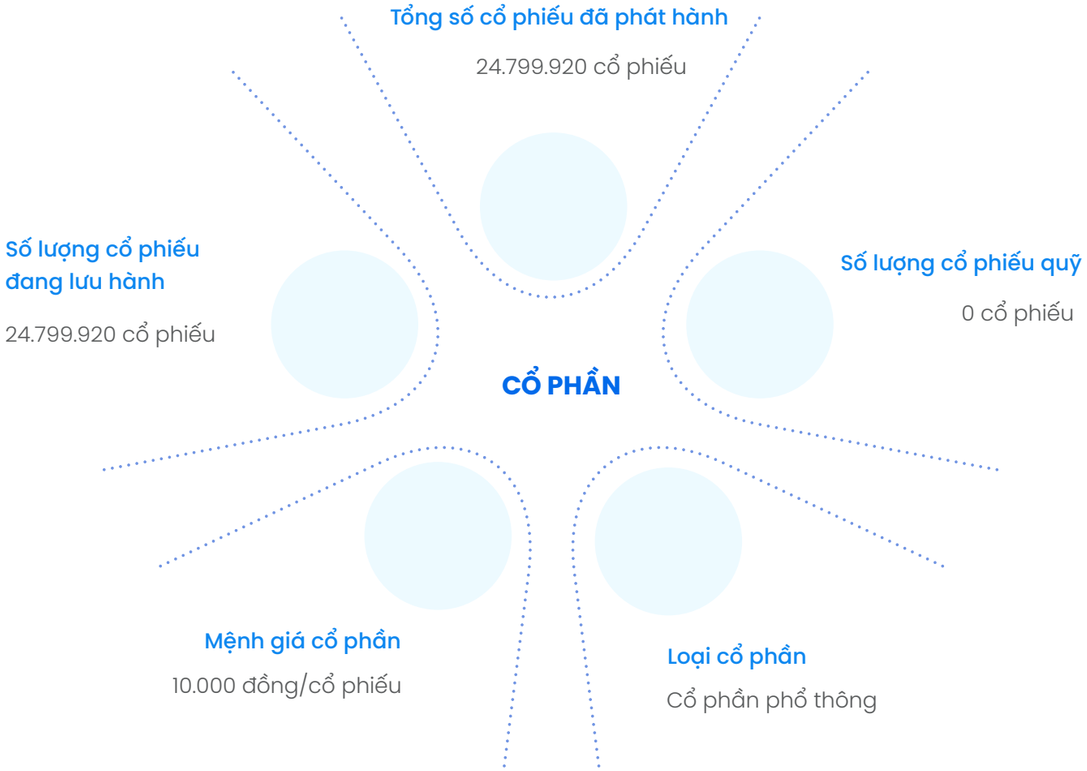

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 600.000 cổ phiếu do Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên – ESOP năm 2022, thời gian hạn chế chuyển nhượng đến ngày 22/09/2025)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 19/08/2024

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**1.111**	**24.447.955**	**98,58%**
1	Cá nhân	1.108	2.937.957	11,85%
2	Tổ chức	3	21.509.998	86,73%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**8**	**42.527**	**1,42%**
1	Cá nhân	6	8.145	0,03%
2	Tổ chức	2	343.820	1,39%
	TỔNG CỘNG	**1.119**	**24.799.920**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50% (*)

(*): Theo Công văn số 2685/UBCK-PTTT ngày 11/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP May mặc Bình Dương.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 19/08/2024

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	11.831.418	47,71%
2	Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	9.677.580	39,02%
	Tổng cộng	**21.508.998**	**86,73%**

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Năm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành
1	2015	120.000.000.000	120.000.000.000	Bán đấu giá lần đầu
2	2022	127.999.200.000	247.999.200.000	Phát hành tăng vốn cổ phần Phát hành cho người lao động

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dệt may – lĩnh vực có đặc thù phát sinh nhiều tác động đến môi trường, BDG luôn xác định bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý, mà còn là sứ mệnh gắn liền với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Công ty chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đặc biệt trong bối cảnh nhà máy đặt tại khu vực gần khu dân cư. Hệ thống quản lý môi trường của BDG đạt chuẩn ISO 14001:2015, OEKO-TEX®, kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực của Công ty trong việc tuân thủ các yêu cầu về phát triển xanh và kiểm soát phát thải.

Việc áp dụng mô hình lean manufacturing trong toàn bộ quy trình sản xuất đã giúp BDG giảm thiểu lãng phí nguyên vật liệu, năng lượng và thời gian, từ đó góp phần làm giảm phát sinh khí thải và chất thải rắn. Các quy trình này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn giảm áp lực đến môi trường tự nhiên.

Song song đó, Công ty đã thiết lập và duy trì các tiêu chí xanh, điển hình như: bố trí mảng xanh tại khuôn viên văn phòng – nhà máy, xây dựng hệ thống phân loại rác tại nguồn, áp dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng, sử dụng thiết bị có mức tiêu hao điện thấp, và tổ chức các chiến dịch nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

BDG xác định tiết kiệm năng lượng là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược quản trị vận hành và phát triển bền vững. Công ty xây dựng và áp dụng các quy chuẩn nội bộ về sử dụng điện đối với cả nhà máy sản xuất lẫn khu vực văn phòng hành chính, nhằm đảm bảo mức tiêu thụ điện năng được kiểm soát hợp lý, tránh lãng phí và tăng hiệu suất sử dụng.

Bên cạnh điện năng, việc sử dụng các nguồn năng lượng khác như xăng dầu phục vụ vận chuyển, vận hành máy móc và máy phát điện dự phòng cũng được giám sát chặt chẽ. Các bộ phận chuyên trách định kỳ rà soát tình hình tiêu thụ, so sánh với định mức và đánh giá hiệu suất, từ đó đề xuất các phương án điều chỉnh, bảo trì hoặc thay thế thiết bị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Đặc biệt, BDG không ngừng nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp thay thế thân thiện với môi trường, bao gồm việc ưu tiên sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng tinh gọn. Công ty cũng xây dựng các chương trình tuyên truyền, khuyến khích toàn thể cán bộ – công nhân viên nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, xem đây là một phần trong văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

TIÊU THỤ NƯỚC

BDG xem việc quản lý và sử dụng nước hiệu quả là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công ty đã thiết lập hạn mức sử dụng nước cụ thể cho từng khu vực sản xuất và hành chính, dựa trên định mức kỹ thuật và nhu cầu thực tế, nhằm tối ưu hóa lượng nước tiêu thụ mà vẫn đảm bảo hiệu suất vận hành và chất lượng sản phẩm.

Đối với nước đã qua sử dụng, Công ty triển khai các biện pháp thu gom, xử lý và tái sử dụng cho các mục đích phù hợp như tưới cây xanh trong khuôn viên, vệ sinh mặt bằng... Hệ thống xử lý nước thải của BDG được vận hành theo đúng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm nước đầu ra đạt tiêu chuẩn xả thải, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, BDG chú trọng đến yếu tố con người bằng cách tổ chức các hoạt động tuyên truyền nội bộ, xây dựng văn hóa tiết kiệm nước trong toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng nước theo định kỳ, xác định khu vực tiêu hao bất thường để điều chỉnh kịp thời.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Với đặc thù hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc, BDG tiêu thụ một khối lượng nguyên phụ liệu rất lớn trong suốt quá trình sản xuất. Phần lớn nguyên liệu đầu vào được cung cấp từ các đối tác nước ngoài, chủ yếu đến từ các thị trường như Trung Quốc, Đài Loan,... Công ty kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào, ưu tiên sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế hoặc phân hủy sinh học. Quy trình nhập kho và bảo quản nguyên vật liệu được tiêu chuẩn hóa nhằm đảm bảo chất lượng và hạn chế thất thoát.

Công ty tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu trong quy trình sản xuất, đồng thời khuyến khích người lao động sử dụng nguyên phụ liệu một cách tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, hoạt động mua – bán nguyên liệu, phế liệu được thực hiện theo đúng quy định trong đề án bảo vệ môi trường, vừa góp phần bảo vệ hệ sinh thái, vừa tạo nguồn thu bổ sung cho doanh nghiệp.

Tổng nguyên phụ liệu được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất như sau:

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Vải	Mét	7.181.213	587.243.182.019
2	Nhãn	Cái	20.591.673	48.557.259.048
3	Rivet	Bộ	44.740.223	49.263.208.106
4	Chỉ	Cuộn	613.559	28.949.118.912
5	Nút	Bộ	28.238.942	22.641.183.004
6	Vải lót	Mét	724.930	18.256.418.783
7	Da	Mét	72.376	17.009.192.030
8	Keo	Mét	2.732.644	14.530.167.312
9	Dây kéo	Cái	3.676.119	11.610.013.345
10	Bao nilon	Cái	5.158.350	4.638.756.978
11	Đệm các loại	Cái	15.513.751	1.717.919.236
12	Kẹp sắt	Cái	6.046.769	1.706.074.917
13	Gói chống ẩm	Cái	2.132.976	1.004.619.051
14	Cườm trang trí	Bộ	77.541	1.387.841.600
15	Giấy chống ẩm	Cái	1.598.176	223.132.671
16	Dây tape	Mét	1.239.329	6.211.791.844
17	dây luồn	cái	1.823	145.840.000
18	Dây treo thẻ bài	Mét	3.099.341	3.741.040.768
19	thẻ bài các loại	Cái	17.231.500	16.028.805.531
20	Băng keo	Cuộn	290.602	532.486.326
21	Thun	Mét	77.254	201.760.916
22	Kẹp nhựa	Cái	189.812	42.156.908
23	Kim ghim	Cái	1.340.153	89.524.259
24	Đạn nhựa + cuộn	Cái	4.406.985	612.475.518
25	Bướm cổ nhựa	Cái	1.515.905	4.790.007.627
26	Khoanh cổ giấy	Cái	625.875	347.297.427
27	Bìa	Cái	1.496.503	1.806.136.795

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường có yêu cầu khắt khe về "tiêu chuẩn xanh" như châu Âu và Hoa Kỳ, BDG luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định quốc tế như Thỏa thuận Xanh châu Âu, Đạo luật Giảm phát thải của Mỹ, cũng như các quy định nội địa về bảo vệ môi trường.

Năm 2024, Công ty không ghi nhận bất kỳ vụ vi phạm nào liên quan đến pháp luật về môi trường. Công ty đã tuân thủ thực hiện đầy đủ các hạng mục liên quan đến pháp luật về môi trường và được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy phép môi trường vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đây là kết quả của việc duy trì hệ thống quản lý môi trường chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định trong từng công đoạn sản xuất – kinh doanh, từ sử dụng nguyên liệu đến xử lý chất thải và kiểm soát khí thải.

Song song đó, BDG còn chủ động tham gia các chiến dịch bảo vệ môi trường tại địa phương, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ định kỳ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động trong việc gìn giữ môi trường sống. Việc lồng ghép yếu tố môi trường vào chiến lược sản xuất – kinh doanh không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà còn là một phần trong cam kết phát triển bền vững dài hạn mà BDG theo đuổi.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	1.924	1.725	1.869	1.848	1.887
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.159.000	10.179.000	11.502.000	11.942.000	12.878.000

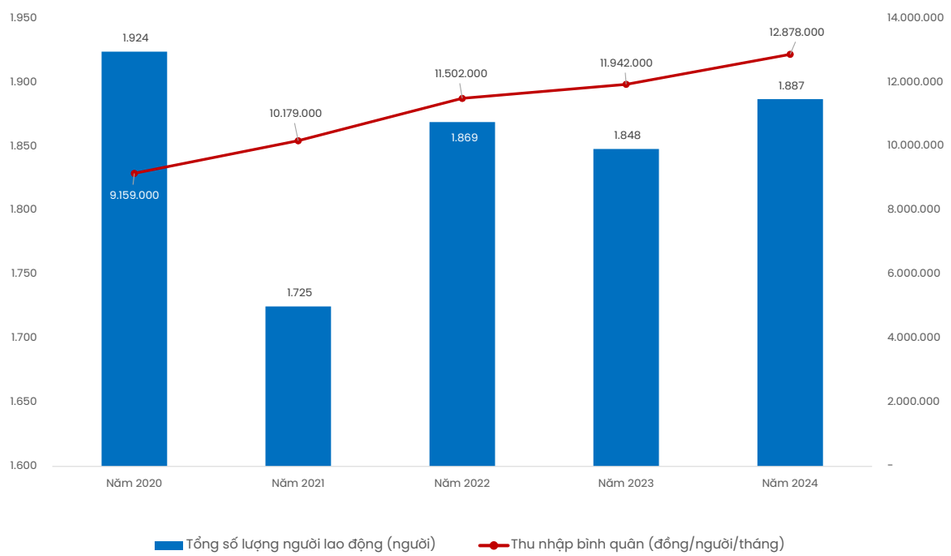

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

BDG luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo bài bản và liên tục. Tất cả nhân viên mới đều được tham gia các khóa huấn luyện tiêu chuẩn, nhằm trang bị đầy đủ kỹ năng và tay nghề, đáp ứng yêu cầu khắt khe từ thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đào tạo cơ bản, Công ty còn tổ chức các chương trình nâng cao phối hợp cùng đơn vị chuyên môn, tập trung vào các nội dung như kiểm soát chất lượng, kỹ thuật sản xuất, và quản lý chuyền may. Những hoạt động này không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, BDG cũng khuyến khích người lao động chủ động học hỏi và tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm, ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ và làm việc nhóm. Việc nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ nhân sự là tiền đề quan trọng để Công ty thích ứng nhanh với xu thế tự động hóa, đổi mới công nghệ và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao từ đối tác toàn cầu.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại BDG, người lao động luôn được xem là tài sản quý giá và là yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty xác định rằng, để vận hành hiệu quả và duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, thì việc xây dựng một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được chăm lo đầy đủ về sức khỏe, an toàn và đời sống tinh thần là nhiệm vụ trọng tâm, cần được thực hiện một cách nhất quán và lâu dài.

BDG luôn tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp, trong đó người lao động được bảo vệ về cả thể chất lẫn tinh thần. Công ty triển khai đầy đủ các chương trình huấn luyện an toàn lao động, diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ, trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân theo đúng quy định. Hệ thống nhà xưởng và khu vực sản xuất cũng thường xuyên được kiểm tra, bảo trì để đảm bảo điều kiện làm việc luôn đạt chuẩn và hạn chế rủi ro.

Song song đó, Công ty áp dụng chính sách phúc lợi toàn diện cho người lao động: tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm; xây dựng chế độ làm việc, nghỉ phép, nghỉ lễ tết hợp lý; hỗ trợ chi phí ăn ca, phụ cấp chuyên cần, sinh hoạt phí. Đối với những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, Công ty luôn có chính sách hỗ trợ kịp thời, thể hiện sự quan tâm và đồng hành cùng người lao động vượt qua thử thách trong cuộc sống.

Không chỉ dừng lại ở những chế độ căn bản, BDG còn chú trọng phát triển các hoạt động gắn kết nội bộ như tổ chức teambuilding, hội thao, các chương trình giao lưu, trao thưởng vào các dịp lễ, Tết. Những hoạt động này vừa tạo ra môi trường làm việc tích cực, vừa giúp xây dựng tinh thần đoàn kết, nâng cao sự gắn bó giữa nhân viên với Công ty.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BDG luôn nhận thức rõ rằng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp không thể tách rời sự phát triển của cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động, Do đó, Công ty không ngừng đẩy mạnh các hoạt động hướng về cộng đồng như một phần trong cam kết trách nhiệm xã hội,

Hằng năm, BDG tích cực tham gia và tài trợ cho nhiều chương trình an sinh xã hội như xây nhà tình thương, ủng hộ mua bảo hiểm y tế tại địa phương, tài trợ Hội chữ thập đỏ, tài trợ kinh phí sửa chữa khuôn viên an ninh khu phố, ... Bên cạnh đó, Công ty cũng đồng hành cùng các địa phương trong các hoạt động thiện nguyện, giao lưu văn hóa, chăm lo Tết cho hộ nghèo, thể hiện tinh thần sẻ chia và gắn kết với cộng đồng,

Không chỉ dừng lại ở các đóng góp vật chất, BDG còn tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường sống, an toàn lao động và phát triển bền vững, Đây cũng là cách Công ty lan tỏa giá trị nhân văn và khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng địa phương phát triển lâu dài và bền vững,

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh đang trở thành xu hướng tất yếu trong bối cảnh phát triển bền vững toàn cầu. Nắm bắt định hướng này, BDG từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn như báo cáo tài chính xanh, trái phiếu xanh và công bố phát thải theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty chủ động nâng cao nhận thức môi trường cho người lao động thông qua các chương trình truyền thông nội bộ và đào tạo ngắn hạn. Đồng thời, BDG liên tục triển khai các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trong sản xuất như tiết kiệm năng lượng, quản lý nước thải, sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường. Những hành động cụ thể này góp phần giúp Công ty tiệm cận các yêu cầu của thị trường tài chính xanh, đồng thời khẳng định cam kết phát triển bền vững trong dài hạn.

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu cổ chức, chinh sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2024, ngành dệt may Việt Nam nói chung và BDG nói riêng đã thành công trong việc nắm bắt thời cơ và tiếp nhận những dấu ấn nổi bật khi mà toàn ngành dệt may đều có kết quả kinh doanh khở sác. Kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may đạt 44 tỷ USD với thị trường chiếm tỉ trọng cao hơn 38% là Mỹ tăng 12,33% tức 16,71 tỷ USD. Theo sau đó là các nước Nhật bản tăng 6% và EU là gần 8%. Điều này cho thấy Việt Nam đã thành công trong việc duy trì vị thế xuất khẩu ngành dệt may.

THUẬN LỢI

- Ngành dệt may có dấu hiệu hồi phục mạnh, nhu cầu thị trường tăng trở lại cùng với việc nắm bắt cơ hội việc chuyển dịch thị trường sản xuất của khách hàng giúp các doanh nghiệp có được lượng đơn hàng ổn định, thậm chí tăng trưởng đột biến trong một số thời điểm
- Quy mô sản xuất lớn giúp các đơn vị tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Việc Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP... đã tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường, giảm thiểu rủi ro từ xung đột chính trị, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp trong nước.
- Xu hướng "xanh hóa" ngành may mặc được thúc đẩy mạnh mẽ. BDG và nhiều doanh nghiệp khác đã tích cực cải tiến quy trình sản xuất, hướng tới đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ thị trường châu Âu và các quốc gia phát triển.

KHÓ KHĂN

- Chi phí vận chuyển tăng cao do chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đối với hàng hóa Trung Quốc, cùng với bất ổn tại khu vực Biển Đỏ gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến các hãng tàu phải đổi lộ trình và làm tăng áp lực lên giá cước.
- Tình trạng thiếu hụt lao động trở nên đáng lo ngại khi nhiều doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất nhưng gặp khó khăn trong tuyển dụng, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành đơn hàng.
- Sự biến động của thị trường tài chính, tỷ giá và chi phí đầu vào tiếp tục là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong ngành.
- Biên lợi nhuận bị kiềm hãm do chi phí sản xuất gia tăng, đặc biệt là chi phí lương tăng và đơn giá chưa thể cải thiện.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2024, đối mặt với tình hình khó khăn chung của ngành may mặc và nắm bắt cơ hội việc chuyển dịch thị trường sản xuất của khách hàng, Công ty đã chủ động thực hiện đồng thời nhiều giải pháp nhằm đảm bảo ổn định sản xuất và duy trì thu nhập cho người lao động, cụ thể:

- Tiếp tục tận dụng mối quan hệ lâu năm với những khách hàng truyền thống để thương lượng các đơn hàng sản xuất.
- Phát triển nhánh hàng mới cho những khách hàng truyền thống (Rock, Missme).
- Tích cực trong công tác phát triển mẫu để tạo lợi thế trong việc nhận đơn hàng.
- Đàm phán với khách hàng về việc giảm chi phí sản xuất để cân đối giá bán hàng.
- Phát triển hàng nội địa để đa dạng hóa thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng, giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	762.015	75,32%	892.610	78,81%	117,14%
Tài sản dài hạn	249.694	24,68%	240.012	21,19%	96,12%
Tổng tài sản	**1.011.709**	**100%**	**1.132.622**	**100%**	**111,95%**

Năm 2024, trong bối cảnh ngành dệt may khởi sắc trở lại, BDG ghi nhận tổng tài sản đạt 1.132.622 triệu đồng, tăng gần 11,85% so với năm 2023.

Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, ở mức 78,81%, tăng hơn 17,14% so với năm trước, tương đương hơn 130.595 triệu đồng. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đặc biệt là tiền gửi có kỳ hạn tăng gần 58,17%%, tương đương gần 98,66 tỷ đồng. Ngoài tiền gửi, khoản phải thu khách hàng tăng 27,16% so với cùng kỳ, tương ứng với 60.498 triệu đồng, góp phần làm tài sản ngắn hạn tăng. Tuy nhiên, mức tăng này cũng tiềm ẩn rủi ro bị chiếm dụng vốn từ đối tác.

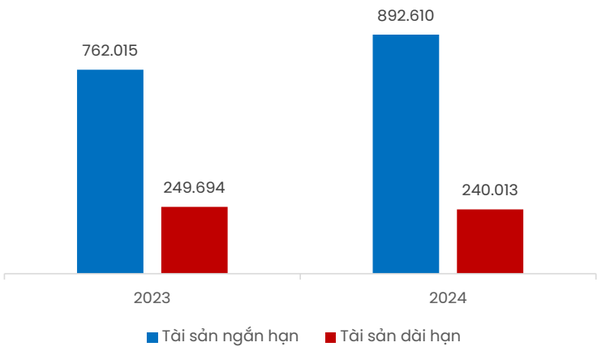

Ngược lại, tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,88% so với năm trước, chủ yếu do khấu hao tài sản cố định. Dù vậy, Công ty vẫn tiến hành đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị mới nhằm phục vụ các đơn hàng trong kỳ.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng, giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	371.345	79,89%	429.780	89,44%	115,74%
Nợ dài hạn	93.469	20,11%	50.722	10,56%	54,27%
Nợ phải trả	**464.814**	**100%**	**480.502**	**100%**	**103,38%**

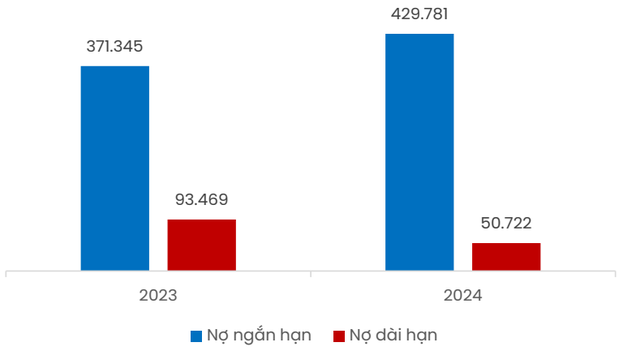

Năm 2024, tổng nợ phải trả của BDG đạt 480.502 triệu đồng, tăng nhẹ 3,38% so với năm 2023. Cơ cấu nợ tiếp tục nghiêng mạnh về nợ ngắn hạn, chiếm tới 89,44%, tương ứng 429.780 triệu đồng, tăng hơn 58.436 triệu đồng so với cùng kỳ. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Ngoài ra trong năm, công ty phân loại lại nợ vay dài hạn đến hạn làm tăng nợ vay ngắn hạn và giảm nợ vay dài hạn tương ứng với mức 35,5 tỷ đồng.

Nợ dài hạn giảm giảm 45,73% so với năm 2023, ghi nhận tại mức 50.722 triệu đồng cuối năm 2024, chiếm 10,56% cơ cấu nợ phải trả. Nguyên nhân chính đến từ việc Công ty đã thanh toán 34 tỷ đồng khoản vay đầu tư dài hạn, liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất Jean và phát triển thời trang với quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm. Đồng thời, trong năm, chi phí thế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế giảm 7.248 triệu đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nhận thức rõ vai trò then chốt của hệ thống tổ chức và bộ máy quản trị trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, BDG đã không ngừng thực hiện các cải tiến nhằm nâng cao năng lực điều hành và tối ưu hóa nguồn lực, đặc biệt trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt.

Trong năm qua, Công ty đã tổ chức đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống, bao gồm từng phòng ban và vị trí chức năng. Trên cơ sở kết quả rà soát, BDG triển khai tái cơ cấu tổ chức, điều chỉnh phân công nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu suất làm việc và phân bổ nguồn lực hợp lý hơn giữa các đơn vị.

Song song đó, Công ty tiến hành rà soát và cập nhật các quy chế nội bộ, quy trình tác nghiệp, bổ sung các thủ tục cần thiết nhằm chuẩn hóa hệ thống vận hành theo hướng chuyên nghiệp, linh hoạt và hiệu quả. Những cải tiến này giúp nâng cao tính minh bạch, kiểm soát rủi ro và giảm thiểu sai sót trong quá trình xử lý công việc.

Về mặt quản lý nhân sự, BDG chú trọng xây dựng chính sách phát triển đội ngũ lâu dài, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng chuyên môn, khả năng làm việc nhóm, tư duy đổi mới và tinh thần trách nhiệm. Những nỗ lực này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó củng cố nền tảng vận hành bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025, bên cạnh những cơ hội phục hồi thị trường thì ngành dệt may Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức như:

- Đơn hàng chủ yếu ở phân khúc giá thấp và có tính ổn định không cao.
- Ngành dệt may Việt Nam đang cạnh tranh với các nước như Bangladesh, Myanmar.
- Biến động thương mại, lạm phát và chính sách tiền tệ toàn cầu có thể ảnh hưởng đến ngành dệt may Việt Nam. Tỷ lệ hàng tồn kho tại các thương hiệu lớn tăng có thể dẫn đến việc giảm đơn hàng trong nửa cuối năm 2025.
- Đặc biệt là chính sách thuế mới từ thị trường lớn Mỹ ảnh hưởng rất lớn đến xuất khẩu Việt Nam.

Trước những dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, đặc biệt là đối với ngành may mặc, Công ty vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2025 như sau:

Khách hàng tại Mỹ - Mỹ hiện là thị trường nhập khẩu lớn nhất của ngành

- **Khách hàng Rock và Miss me** – đây là 2 khách hàng chủ lực của Công ty dự báo giảm sản lượng đơn hàng đáng kể. Xu hướng khách hàng sẽ không chốt đơn hàng dài mà yêu cầu đơn hàng sản xuất phải rút ngắn và số lượng đơn hàng nhỏ lẻ hơn. Ngoài ra, hàng Miss Me đang bị cạnh tranh về giá của các thương hiệu khác trên thị trường.
- **Khách hàng Eunina**: Mặc dù đã xác nhận sản xuất đơn hàng 2 chuyền may tương ứng 40-42 ngàn sản phẩm/tháng. Tuy nhiên, trở ngại về giá nên không lấy được đơn hàng như đã xác nhận.
- **Khách hàng Pacsun:** Dự cáo khách hàng vẫn giữ số lượng đặt hàng tương đương năm 2024. Tuy nhiên yêu cầu đáp ứng hàng mẫu nhanh hơn, chất lượng cao hơn với giá cả hợp lý hơn.
- Đặc biệt khó khăn lớn nhất là chính sách thuế mới từ Mỹ làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc xuất khẩu vào thị trường này.

Thị trường Châu Âu: dự kiến đơn hàng của khách hàng Olymp tương đương năm 2024.

Để ổn định sản xuất cũng như giữ chân lao động khi nền kinh tế phục hồi, Công ty sẽ nhận thêm các đơn hàng gia công từ các khách hàng E3 và các khách hàng gia công khác.

Nhìn chung, dự báo năm 2025 là một năm đầy thách thức đối với thị trường dệt may nói chung và đối với Công ty nói riêng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Sản lượng	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% KH 2025/2024
Vốn điều lệ	Triệu đồng	247.999	247.999	100%
Tổng sản lượng	Chiếc	4.395.325	4.275.957	97,28%
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	1.878.548	1.611.417	85,78%
Tổng chi phí (**)	Triệu đồng	1.668.237	1.501.223	89,99%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	210.310	110.194	52,40%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	175.634	90.205	51,36%

(*) Tổng doanh thu = Doanh thu thuần + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác

(**)) Tổng chi phí SXKD = Giá vốn bán hàng + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp +Chi phí khác

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Máy móc thiết bị	6,9
2	Sửa chữa nhà xưởng	1,7

PHƯƠNG HƯỚNG , NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Xây dựng phương án cũng như chiến lược kinh doanh tối ưu trong bối cảnh Mỹ thay đổi chính sách thuế quan.
- **Đối với khách hàng:** Tiếp tục phối hợp với khách hàng truyền thống để phát triển mẫu, nhánh hàng mới và tiếp cận với khách hàng tiềm năng.
- **Chi phí:** Thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm chi phí sản xuất (cân đối lực lượng lao động, tinh gọn bộ máy, giảm tăng ca không cần thiết, kiểm soát thiệt hại trong sản xuất,..)
- **Chất lượng:** Duy trì tốt hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng để đảm bảo sự uy tín với khách hàng.
- Rút ngắn thời gian sản xuất đối với hàng sơmi và denim. Đây là được xem là yếu tố cạnh tranh mới.
- Ứng dụng kết quả nghiên cứu kỹ thuật vào công tác lập kế hoạch sản xuất, dự báo đầy đủ các công đoạn phát sinh.
- **Tuyển dụng, đào tạo:** Tuyển dụng công nhân có chất lượng; nâng cao chất lượng công tác đào tạo; đẩy mạnh chương trình đạo tạo cho đội ngũ quản lý cấp thấp và cấp trung để phát triển tư duy, bổ sung kiến thức quản lý để áp dụng trong công việc.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương là ý kiến chấp nhận toàn phần.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trước bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao sự chủ động của Công ty trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. BDG đã tích cực nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường hiện hành, đồng thời đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh doanh và phát triển bền vững.

Công ty cũng đã ban hành nhiều quy định về tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý tài nguyên và triển khai các hoạt động tuyên truyền nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn thể người lao động. Nhờ đó, BDG từng bước xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, thân thiện, đồng thời tạo nên tập thể có trách nhiệm cao trong việc giữ gìn vệ sinh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao những nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh và chất lượng. Công ty thực hiện tuyển dụng có chọn lọc, đảm bảo nhân sự đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất và yêu cầu thị trường quốc tế. Đồng thời, BDG tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu theo từng bộ phận, nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề, vận hành thiết bị hiện đại và tăng hiệu suất làm việc.

Công ty cũng duy trì chính sách đãi ngộ công bằng, khen thưởng minh bạch, góp phần tạo động lực làm việc và khuyến khích nhân viên cống hiến lâu dài. Những cá nhân có thành tích nổi bật luôn được ghi nhận, góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực, gắn kết và hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BDG luôn đặt trách nhiệm cộng đồng là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty chú trọng đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm giảm thiểu rác thải và tiếng ồn, đảm bảo môi trường sống trong lành cho người dân khu vực lân cận.

Song song đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội, hỗ trợ các hộ nghèo, người khuyết tật và trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động này thể hiện rõ cam kết của BDG trong việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với lợi ích cộng đồng và thúc đẩy môi trường sống công bằng, văn minh và bền vững.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Hội đồng Quản trị đánh giá cao những khoản đầu tư đáng kể vào hệ thống phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cũng như các dự án phát triển quan trọng khác. Đồng thời, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ và trang thiết bị máy móc nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa chi phí vận hành.

NHÂN SỰ

Trân trọng những đóng góp của Ban Điều hành và toàn thể nhân viên, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách nhân sự tích cực, bao gồm các chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng, nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự có chất lượng cao và đáp ứng tốt nhu cầu phát triển.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đã gặp không ít thách thức do sự suy giảm của thị trường xuất khẩu dệt may, đặc biệt tại các thị trường chủ chốt như Mỹ và Liên minh Châu Âu. Tuy nhiên, nhờ áp dụng chính sách lao động hợp lý và chiến lược kinh doanh linh hoạt, công ty vẫn duy trì được doanh thu ổn định. Sản lượng và kết quả kinh doanh phản ánh rõ những nỗ lực trong việc thích ứng với biến động thị trường.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám dốc đã phối hợp điều hành hoạt động linh hoạt để có thể đưa công ty có một năm hoạt động kinh doanh rực rỡ. Với kết quả tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh tế chỉ dần đang cải thiện. Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao hệ thống quản lý đạt chuẩn ISO 9001, đảm bảo chất lượng từ nguyên phụ liệu đầu vào cho đến sản phẩm đầu ra. Các hoạt động đều được quản lý chặt chẽ nhằm tuân thủ đúng các Luật liên quan và các tiêu chuẩn SA 8000 về trách nhiệm đối với trách nhiệm xã hội.

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

BDG thể hiện trách nhiệm với môi trường bằng cách áp dụng các biện pháp giảm thiểu lãng phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Công ty cũng đầu tư vào năng lượng tái tạo nhằm giảm sự lệ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống và hạn chế khí thải carbon.

Công ty chú trọng vào việc xây dựng và duy trì một cơ cấu tổ chức hiệu quả, đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động đều thống nhất với mục tiêu và định hướng chiến lược chung. Ban lãnh đạo không ngừng khuyến khích và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, giúp họ phát huy tối đa năng lực nhằm đóng góp vào sự thành công của doanh nghiệp. Chiến lược kinh doanh được đổi mới và cải tiến liên tục để đảm bảo tăng trưởng bền vững và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Công ty tập trung nâng cao môi trường làm việc, đảm bảo an toàn lao động và phát triển các chính sách phúc lợi cho nhân viên. Các chương trình đào tạo chuyên sâu cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao tay nghề và năng lực của người lao động.

BDG chủ động hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua các sáng kiến về giáo dục, y tế và phát triển kinh tế. Đồng thời, công ty cũng khuyến khích mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, hướng tới tăng trưởng lâu dài.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đánh giá cao lãnh đạo và quản lý của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024. Trong một năm có những diễn biến khôn lường và bất ngờ, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được sự kịp thời trong việc đưa ra các chiến lược phù hợp với sự khởi sắc của thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu và lợi nhuận tăng đột biến so với năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt được các dấu hiệu của thị trường và đưa ra chính sách để có thể tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận cho công ty bao gồm các việc bổ sung máy móc, thiết bị và đảm bảo quyền lợi người lao động để họ lao động hết công suất.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng và thực thi các chính sách nhân sự hiện đại, tập trung vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động. Việc chú trọng đến môi trường làm việc, sức khỏe và phúc lợi của nhân viên là điểm nhấn trong công tác quản lý.

PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tầm nhìn dài hạn khi đầu tư vào công nghệ và máy móc hiện đại nhằm nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí. Các dự án đầu tư được triển khai hiệu quả, đặc biệt là việc nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy và đảm bảo an toàn lao động, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những bước đi quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty. Các chương trình như ứng dụng năng lượng tái tạo, cải thiện điều kiện làm việc và hỗ trợ cộng đồng địa phương thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với sự phát triển bền vững

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Hội đồng Quản trị đặt mục tiêu phát triển chuyên sâu hai dòng sản phẩm chủ lực gồm sơ mi, jeans thời trang và jeans cơ bản. Định hướng chiến lược tập trung vào việc mở rộng thị trường, đa dạng hóa khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường năng lực cạnh tranh.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Hội đồng Quản trị chú trọng đào tạo chuyên sâu và nâng cao kỹ năng cho công nhân, giúp họ vận hành hiệu quả các loại máy móc khác nhau. Bên cạnh đó, chú trọng đào tạo đội ngũ kế thừa. Việc kiện toàn cơ cấu tổ chức và tối ưu hóa công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang được xác định là ưu tiên hàng đầu.

MỞ RỘNG VÀ ĐA DẠNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Với các thị trường quốc tế mà Công ty đang xuất khẩu đã dần trở nên bão hòa và cần các thị trường tiềm năng mới để có thể hạn chế rủi ro thiếu hụt đơn hàng. Các quốc gia như ở Châu Phi, châu Úc,... là một ví dụ khi mà khu vực này vẫn chưa thể tiếp cận hoàn toàn được và Công ty lấy đó làm nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện trong thời gian tới.

CẢI THIỆN QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Công ty có kế hoạch đầu tư vào công nghệ và trang thiết bị hiện đại nhằm tăng cường năng suất và tối ưu hóa chi phí. Việc áp dụng Lean Manufacturing cùng các phương pháp quản lý chất lượng tiên tiến để giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu suất là một phần trong chiến lược phát triển trung và dài hạn.

QUẢN LÝ RỦI RO CHUỖI CUNG ỨNG

Mở rộng nguồn cung nhằm hạn chế rủi ro từ nhà cung cấp, đồng thời tăng cường giám sát chất lượng nguyên liệu đầu vào và quy trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm.

HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Công ty sẽ tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế và phát triển kinh tế cho cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động của công ty.

Bền vững và trách nhiệm xã hội: HĐQT khẳng định cam kết đầu tư vào sản xuất sạch và bền vững để giảm thiểu ảnh hưởng môi trường và thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

ÔNG NGUYỄN AN ĐỊNH

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác :

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 11.831.418 cổ phần ~ 47,71 %
  (Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP)
- Cá nhân 0 cổ phần ~ 0 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH

Thành viên HĐQT

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác :

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 15.896 cổ phần ~ 0,06 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

BÀ PHẠM THỊ VƯỢNG

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác :

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 9.677.580 cổ phần ~ 39,02 %
  (Công ty TNHH TM Việt Vương – Công ty Cổ phần)
- Cá nhân 0 cổ phần ~ 0 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

ÔNG NGUYỄN VĨNH BẢO

Thành viên HĐQT độc lập

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác :

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 0 cổ phần ~ 0 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUÂN

Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiểu ban Chiến lược Phát triển – Trưởng tiểu ban: Bà Phạm Thị Vượng
- Tiểu ban Nhân sự Tiền lương – Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định
- Tiểu ban Kiểm soát nội bộ - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định
- Tiểu ban Di dời - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định

Thời hạn bổ nhiệm các Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 2020 – 2025.

Năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm, quan trọng cũng như tập trung triển khai mục tiêu cho Tiểu ban di dời (lên phương án di dời Công ty theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua). Trong năm, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án di dời của Tiểu ban di dời. Do đó, việc kiện toàn nhân sự cũng như thực hiện nhiệm vụ mục tiêu đề ra của 3 tiểu ban: Tiểu ban chiến lược, Tiểu ban Nhân sự tiền lương và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hiện giờ chưa thực hiện được.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát và kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý, đảm bảo việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thực hiện hiệu quả. Quá trình giám sát diễn ra thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất, trao đổi, chất vấn trực tiếp Ban Tổng Giám đốc, theo dõi báo cáo hàng tháng và sử dụng nhiều kênh liên lạc khác nhau để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu là đảm bảo mọi quyết định được thực hiện kịp thời, hiệu quả và đúng định hướng. Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành trong phạm vi quyền hạn, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Hội đồng Quản trị đã yêu cầu Ban Điều hành nhanh chóng thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời xây dựng và trình bày các chính sách liên quan để Hội đồng Quản trị xem xét. Đặc biệt, cần chú trọng đảm bảo mức thu nhập hợp lý nhằm tạo điều kiện để cán bộ yên tâm làm việc. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng theo dõi sát sao việc tuân thủ quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nội dung quan trọng có tác động đến quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư cũng như biến động giá cổ phiếu của công ty. Trang web công ty được thiết lập chuyên mục Quan hệ cổ đông, giúp nhà đầu tư dễ dàng truy cập và tiếp cận thông tin cần thiết. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, tuân thủ đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao, đảm bảo sự minh bạch, thận trọng và bảo vệ lợi ích chung của công ty và cổ đông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
Ông Phan Thành Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	04/04	100%
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	04/04	100%
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	04/04	100%
Ông Nguyễn vĩnh Bảo	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	04/04	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp, trong đó có 3 phiên họp trực tiếp và 1 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Nội dung
1	**01/NQ-HDQT** Ngày 25/04/2024	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: Chậm nhất đến ngày 30/06/2024 và ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định ngày đăng kí cuối cùng để chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên năm 2024.
2	**02/NQ-HDQT** Ngày 25/04/2024	Chấp thuận giao kết Hợp đồng gia công năm 2024 giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang: • Chấp thuận giao kết Hợp đồng gia công năm 2024 giữa Công ty Cổ Phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang; ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đại diện ký kết hợp đồng và các phụ lục đính kèm; • Cho phép bổ sung quy định về thanh toán hàng mẫu cho Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang tại Hợp đồng gia công năm 2024 và giao Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương làm việc, quyết định và ký kết phụ lục hợp đồng có liên quan về nội dung này.
3	**03/NQ-HDQT** Ngày 25/04/2024	Chấp thuận giao kết hợp đồng thuê nhà giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đại diện ký kết hợp đồng và các phụ lục đính kèm.
4	**04/NQ-HDQT** Ngày 28/05/2024	1. Thông qua các nội dung, tài liệu trình phiên họp Đại đồng cổ đông thường niên năm 2024: • Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2023 và Kế hoạch hoạt động 2024; • Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; • Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024. • Tờ trình thông báo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2023. • Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương. • Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch lợi nhuận năm 2024. • Tờ trình phê duyệt chi trả tù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát , Thư ký Công ty năm 2024; • Tờ trình về sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương; 2. Thông qua nội dung tờ trình phân công nhiệm vụ và quyền hạn đối với Phó Tổng Giám đốc thường trực và Kế toán trưởng; giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện; 3. Thông qua nội dung tờ trình phê duyệt tiền lương đối với Phó Tổng Giám đốc thường trực và Kế toán trưởng; giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện; 4. Chấp thuận điều chỉnh đơn giá và các nội dung liên quan cho đơn hàng mà Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang đã giao cho Công ty Cổ phần Bình Dương từ ngày 02/01/2024 (các đơn hàng giao theo các phụ lục của hợp đồng số 001/2023/MMBD-PTTT ngày 11/02/2023) theo đơn giá và các nội dung của Hợp đồng năm 2024; giao Tổng giám đốc đại diện ký phụ lục hợp đồng và các nội dung liên quan.
5	**05/NQ-HDQT (lấy ý kiến bằng văn bản)** Ngày 07/08/2024	1. Thông qua chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền và 2. Thông qua mức chi thù lao năm 2023 cho các thành viên Hội Đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty
6	**06/NQ-HDQT** Ngày 06/11/2024	1. Thông qua báo cáo Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 và dự kiến quý 4 năm 2024 2. Thông qua phương án di dời của tiểu ban di dời 3. Thống nhất kết quả làm việc đợt 1 của Ban kiểm soát 4. Thống nhất báo cáo đánh giá hiện trạng và định hướng ổn định phát triển nguồn nhân lực và thực trạng người lao động nghỉ việc do thay đổi chính sách hưởng BHXH 1 lần 5. Chấp thuận điều chỉnh hợp đồng thuê nhà và thuê tài sản với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản ý Dự án Bình Dương 6. Thống nhất báo cáo hiệu quả đầu tư vào Công ty cổ phần Protrade Laundry và tiến độ giải thể 7. Một số nội dung hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập (ông Nguyễn Vĩnh Bảo). Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; góp ý định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chứng chỉ
1	Nguyễn An Định	Chứng chỉ quản trị công ty
2	Nguyễn Hồng Anh	Chứng chỉ quản trị công ty
3	Phan Thành Đức	Chứng chỉ quản trị công ty

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

ÔNG LÊ TRỌNG NGHĨA

Trưởng Ban kiểm soát

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hưng Vượng
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH YCH-Protrade
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các Công ty khác

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 0 cổ phần ~ 0 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

ÔNG HỨA TUẤN CƯỜNG

Thành viên ban kiểm soát

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – Chi nhánh Quận 7

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác: Không có

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các Công ty khác

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (SBBS)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 2.240 cổ phần ~ 0,01 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

BÀ NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG

Thành viên ban kiểm soát

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Kế toán trưởng Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương Bình Dương- CTCP

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Tổng Hợp Thuận An

Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các Công ty khác

- Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện 0 cổ phần ~ 0 %
- Cá nhân 2.240 cổ phần ~ 0,01 %
- Người liên quan 0 cổ phần ~ 0 %

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông được thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều được thông báo đến các thành viên Ban Kiểm soát để tham gia. Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp, theo dõi sát sao tình hình thực tế của công ty và đóng góp ý kiến cho Hội đồng Quản trị cũng như Ban Giám đốc nhằm hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ cùng với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong hoạt động. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, ban, cán bộ quản lý Công ty đã tạo điều kiện làm việc và cung cấp đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Biên bản	Nội dung
1	**01/2024/BC-BKS** Ngày 15/05/2024	• Công tác kiểm tra tình hình hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua. • Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 • Kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 qua các nội dung: tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình phân phối lợi nhuận, tình hình khả năng thanh toán, tình hình đầu tư mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, đầu tư vốn vào đơn vị khác.
2	**02/2024/BC-BKS** Ngày 18/09/2024	• Kiểm tra tình hình hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 về: tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao (đồng)
1	Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT	771.394.000
2	Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch HĐQT	578.546.000
3	Nguyễn Hồng anh	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000
4	Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000
5	Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.359.606.129
6	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.177.859.146
7	Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực *(Bổ nhiệm ngày 01/01/2024)*	1.659.477.922
8	Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	385.697.000
9	Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	308.558.000
10	Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	205.705.000

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty không ngừng cập nhật và áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến nhằm đảm bảo sự phù hợp với hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được ban hành và điều chỉnh theo các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC, cùng các quy định liên quan khác.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên cá nhân, tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty con	ĐKKD số: 3702554519 cấp ngày 18/04/2017 tại: sở KH&ĐT Bình Dương	Lô số 20-8, đường 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, Tp. Bến Cát, Bình Dương.	Năm 2024	Nghị quyết HDQT số 26/ NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 và Nghị quyết HĐQT số 2/ NQ-HĐQT ngày 25/04/2024	Phí gia công wash: 250.600.647.467 đồng Thu bồi thường: 7.226.707.762 đồng
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản Lý Dự án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	ĐKKD số: 3702418724, cấp ngày: 01/12/2015, tại sở KH&ĐT Bình Dương	Tầng 17, Toà nhà Becamex Tower, số 230 ĐL Bình Dương, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HDQT số 03/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024	Thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà: 6.050.000.000 đồng
3	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Người có liên quan của người nội bộ	ĐKKD số: 3700359664, cấp ngày: 01/01/2001, tại sở KH&ĐT Bình Dương	Số 90 đường Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, Tp. Thuận An, Bình Dươngp	Năm 2024	-	Mua hàng hóa: 338.596.726 đồng
4	Công ty TNHH YCH - Protrade	Người có liên quan của người nội bộ	ĐKKD số: 3701654454, cấp ngày: 04/12/2009, tại sở KH&ĐT Bình Dương	KP. Đông An, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, Bình Dươngp	Năm 2024	-	Mua dịch vụ thuê kho bãi: 79.429.210 đồng
5	Công ty TNHH Sân Gold Palm Sông Bé	Người có liên quan của người nội bộ	ĐKKD số: 3700226985, cấp ngày: 13/8/2020, tại sở KH&ĐT Bình Dương	77 Đại lộ Bình Dương, P. Lái Thiêu, Tp. Thuận An, Bình Dương	Năm 2024	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp: 262.056.216 đồng
6	Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	Cổ đông lớn	ĐKKD số: 3700148166, cấp ngày: 15/11/2010, tại sở KH&ĐT Bình Dương	A128, đường 3-2, Khu phố Đông Tư, P. Lái Thiêu, Tp. Thuận An, Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024	Chi trả cổ tức: 29.578.545.000 đồng
7	Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	Cổ đông lớn	ĐKKD số: 0301737478, cấp ngày: 07/12/1994, tại sở KH&ĐT Tp. Hcm	Khu C Ngã Tư Ga, P. Thạnh Xuân, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024	Chi trả cổ tức: 18.150.000.000 đồng

Phần 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

aasc

Số: 250325.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Giám đốc

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên

Lê Trường Long
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**892.610.103.449**	**762.014.891.824**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	04	**48.862.200.008**	**69.598.955.414**
111	1. Tiền		33.862.200.008	69.598.955.414
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	05	**265.402.054.405**	**166.744.272.248**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		265.402.054.405	166.744.272.248
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**283.259.843.690**	**222.761.345.790**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	264.878.083.754	210.899.208.203
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	2.854.723.972	5.091.815.541
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	15.770.829.138	7.101.865.220
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(243.793.174)	(331.543.174)
140	**IV. Hàng tồn kho**	10	**235.196.575.141**	**257.014.934.641**
141	1. Hàng tồn kho		235.196.575.141	257.014.934.641
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**59.889.430.205**	**45.895.383.731**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.969.040.286	2.707.839.765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		56.714.019.747	42.981.173.737
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	206.370.172	206.370.229
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**240.012.748.511**	**249.693.595.113**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**201.733.066**	**401.733.066**
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	201.733.066	401.733.066
220	**II. Tài sản cố định**		**186.258.390.439**	**196.143.972.823**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.293.709.231	194.744.507.438
222	*- Nguyên giá*		*534.316.422.805*	*512.534.834.858*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(349.022.713.574)*	*(317.790.327.420)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	964.681.208	1.399.465.385
228	*- Nguyên giá*		*9.414.714.111*	*9.414.714.111*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(8.450.032.903)*	*(8.015.248.726)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**-**	**210.649.100**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	210.649.100
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	05	**3.000.000.000**	**-**
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**50.552.625.006**	**52.937.240.124**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	34.432.924.801	34.594.132.994
269	2. Lợi thế thương mại	14	16.119.700.205	18.343.107.130
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.132.622.851.960**	**1.011.708.486.937**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**480.502.349.514**	**464.813.993.284**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**429.780.680.408**	**371.344.800.413**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	124.773.367.951	131.499.125.452
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	19.898.179.112	17.191.971.013
314	3. Phải trả người lao động		88.591.516.135	81.138.037.872
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	202.873.889	551.751.772
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.383.861.511	3.117.896.127
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	184.271.067.012	133.843.189.327
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.659.814.798	4.002.828.850
330	**II. Nợ dài hạn**		**50.721.669.106**	**93.469.192.871**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	35.922.178.558	71.422.178.558
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	14.799.490.548	22.047.014.313
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**652.120.502.446**	**546.894.493.653**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	20	**652.120.502.446**	**546.894.493.653**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*247.999.200.000*	*247.999.200.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		83.301.072.046	59.369.394.731
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		288.941.796.108	220.108.953.996
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*124.666.351.653*	*95.027.882.467*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*164.275.444.455*	*125.081.071.529*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.748.100.033	20.421.648.634
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.132.622.851.960**	**1.011.708.486.937**

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Văn Đông	Nguyễn Minh Thủy	Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22	**1.821.385.866.875**	**1.565.802.348.007**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	4.856.209.191	5.877.210.206
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.816.529.657.684**	**1.559.925.137.801**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	24	**1.504.153.889.016**	**1.293.751.936.222**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**312.375.768.668**	**266.173.201.579**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	55.484.199.526	43.257.347.169
22	7. Chi phí tài chính	26	41.118.135.008	35.982.525.942
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*11.845.150.484*	*17.051.343.034*
24	8. Phần lãi/ lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	17.171.901.229	19.846.457.680
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	105.913.552.852	96.647.787.314
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**203.656.379.105**	**156.953.777.812**
31	12. Thu nhập khác	29	6.871.619.190	8.322.902.684
32	13. Chi phí khác	30	217.525.047	6.846.247.986
40	**14. Lợi nhuận khác**		**6.654.094.143**	**1.476.654.698**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**210.310.473.248**	**158.430.432.510**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	41.924.287.275	32.308.102.363
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(7.247.523.765)	3.561.018.222
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**175.633.709.738**	**122.561.311.925**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		164.275.444.455	123.382.071.529
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.358.265.283	(820.759.604)
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	33	**6.624**	**4.975**

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Văn Đông	Nguyễn Minh Thủy	Phan Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*210.310.473.248*	*158.430.432.510*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		35.061.474.160	38.015.014.972
03	- Các khoản dự phòng		(87.750.000)	87.750.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		308.115.203	1.682.374.620
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.416.738.116)	(9.250.273.564)
06	- Chi phí lãi vay		11.845.150.484	17.051.343.034
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*248.020.724.979*	*206.016.641.572*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(74.855.135.060)	(26.488.282.089)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.818.359.500	17.869.261.154
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.017.845.689)	(2.750.189.513)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.090.889.232)	1.981.679.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.904.963.971)	(17.120.849.470)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.704.294.284)	(62.606.904.093)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.719.101.113)	(14.863.775.524)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***139.546.855.130***	***102.037.581.938***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(21.750.938.847)	(6.444.967.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.636.364	441.978.587
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(197.867.782.157)	(119.329.980.549)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		96.210.000.000	72.180.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.291.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		(31.813.884)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.035.610.813	5.319.526.136
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(112.391.287.711)***	***(63.123.943.735)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.673.471.992.286	1.331.435.944.206
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.659.452.586.345)	(1.393.550.552.235)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.993.806.450)	(74.394.997.650)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(47.974.400.509)***	***(136.509.605.679)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(20.818.833.090)**	**(97.595.967.476)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**69.598.955.414**	**167.291.649.573**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		82.077.684	(96.726.683)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**04**	**48.862.200.008**	**69.598.955.414**

(*) Đây là khoản Công ty được hoàn lại do Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Launry giải thể trong năm 2024. Tổng tài sản của Công ty Protrade Launry tại ngày giải thể là 15.588.803.000 VND, Công ty nhận được số tiền là 15.556.989.116 VND tương ứng với 99,8% cổ phần, trong đó số tiền 14.950.000.000 VND Công ty đã nhận từ những năm trước, theo dõi trên Khoản phải trả ngắn hạn khác tại Báo cáo tài chính riêng, phần còn lại Công ty nhận trong năm 2024 là 606.989.116 VND, chi trả cho cổ đông không kiểm soát là 31.813.884 VND.

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Văn Đông	Nguyễn Minh Thủy	Phan Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức I, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty đang hoàn tất các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.367 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 2.293 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ngành dệt may phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại sau giai đoạn suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh tại Công ty, cụ thể: doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 256,604 tỷ VND (tương đương 16,45%), giá vốn hàng bán tăng 210,401 tỷ VND (tương đương 16,26%) làm lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 46,202 tỷ VND (tương đương 17,36%) so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	76,08%	76,08%	Wash

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính chi phí phải trả
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	20	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 25	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí thuê đất, thuê chung cư được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác là chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan… được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp, công ty được hưởng ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2024 là năm thứ sáu Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: Giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . GIẢI THỂ CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNRY

Ngày 13/09/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã ra thông báo về việc giải thể/chấm dứt tồn tại của Công ty Cổ phần Protrade Launry. Theo đó, căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2024 của Công ty Cổ phần Protrade Launry về việc phân chia tài sản còn lại cho cổ đông sau giải thể, Công ty nhận được số tiền là 15.556.989.116 VND tương ứng với 99,8% cổ phần tại Công ty Protrade Launry. Việc giải thể Công ty Cổ phần Protrade Launry không làm phát sinh lãi/lỗ trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	543.655.479	273.424.055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.318.544.529	69.325.531.359
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
	48.862.200.008	**69.598.955.414**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 40 ngày có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 4,2%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	**265.402.054.405**	-	**166.744.272.248**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn [1]	265.402.054.405	-	166.744.272.248	-
Đầu tư dài hạn	**3.000.000.000**	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn [2]	3.000.000.000	-	-	-
	268.402.054.405	-	**166.744.272.248**	-

[1] Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,0%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 46.862.054.405 VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

[2] Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,1%/năm và dùng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân [3]	-	-	13,19	-	-	13,19
	-	-		-	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

[3] Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty này vẫn đang tạm ngừng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	86.685.444.918	-	85.599.444.400	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	89.960.970.560	-	43.429.090.377	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	39.118.367.575	-	31.952.656.057	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.113.300.701	-	49.918.017.369	-
	264.878.083.754	-	**210.899.208.203**	-

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	782.720.380	-	-	-
- Foshan Seazon Textile and Garment Co., LTD	520.456.781	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tiến Phát Tài	405.358.880	-	-	-
- Gerber Scientific International LTD	357.461.103	-	-	-
- Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng	-	-	3.660.371.640	-
- Trả trước các đối tượng khác	788.726.828	-	1.431.443.901	(87.750.000)
	2.854.723.972	-	**5.091.815.541**	**(87.750.000)**

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	2.145.465.234	-	406.630.068	-
- Ký cược, ký quỹ	7.762.877.252	-	20.000.000	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.622.521.192	-	1.017.250.622	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.722.923.493	-	5.355.432.554	-
- Phải thu khác	517.041.967	(243.793.174)	302.551.976	(243.793.174)
	15.770.829.138	**(243.793.174)**	**7.101.865.220**	**(243.793.174)**
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	201.733.066	-	401.733.066	-
	201.733.066	-	**401.733.066**	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	*123.343.174*	-	*123.343.174*	-
+ Các đối tượng khác	*120.450.000*	-	*208.200.000*	-
	243.793.174	**-**	**331.543.174**	**-**

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.107.890.989	-	21.306.197.277	-
Nguyên liệu, vật liệu	105.874.057.956	-	97.532.393.503	-
Công cụ, dụng cụ	3.460.425.285	-	2.882.540.926	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.572.484.419	-	110.704.749.324	-
Thành phẩm	6.181.716.492	-	14.459.623.139	-
Hàng hoá	-	-	3.364.072	-
Hàng gửi đi bán	-	-	10.126.066.400	-
	235.196.575.141	**-**	**257.014.934.641**	**-**

Trong đó, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2024. *(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 15)*.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	133.619.272.089	309.113.592.068	47.743.591.885	12.282.454.561	9.775.924.255	512.534.834.858
- Mua trong năm	-	2.773.689.354	345.182.000	934.200.000	-	4.053.071.354
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	138.429.292	17.770.087.301	-	-	-	17.908.516.593
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
Số dư cuối năm	**133.757.701.381**	**329.657.368.723**	**47.908.773.885**	**13.216.654.561**	**9.775.924.255**	**534.316.422.805**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	70.191.667.007	208.079.073.083	25.107.248.046	11.931.030.322	2.481.308.962	317.790.327.420
- Khấu hao trong năm	4.661.695.292	22.273.463.695	2.023.642.775	247.764.636	2.205.819.756	31.412.386.154
- Phân loại lại	117.074.330	9.193.523	1.494.323.466	(5.608.084)	(1.614.983.235)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
Số dư cuối năm	**74.970.436.629**	**230.361.730.301**	**28.445.214.287**	**12.173.186.874**	**3.072.145.483**	**349.022.713.574**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	63.427.605.082	101.034.518.985	22.636.343.839	351.424.239	7.294.615.293	194.744.507.438
Tại ngày cuối năm	**58.787.264.752**	**99.295.638.422**	**19.463.559.598**	**1.043.467.687**	**6.703.778.772**	**185.293.709.231**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 56.112.604.917 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 107.878.894.472 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Số dư cuối năm	**530.000.000**	**8.884.714.111**	**9.414.714.111**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.485.248.726	8.015.248.726
- Khấu hao trong năm	-	434.784.177	434.784.177
Số dư cuối năm	**530.000.000**	**7.920.032.903**	**8.450.032.903**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.399.465.385	1.399.465.385
Tại ngày cuối năm	**-**	**964.681.208**	**964.681.208**

Trong đó, nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.204.540.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.409.668.983	2.027.503.019
- Chi phí bảo hiểm tài sản	215.758.243	404.719.410
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	343.613.060	275.617.336
	2.969.040.286	**2.707.839.765**
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	68.229.649	1.119.355.750
- Chi phí tiền thuê đất (*)	32.369.298.694	33.360.195.598
- Chi phí sửa chữa lớn	1.895.330.518	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	100.065.940	114.581.646
	34.432.924.801	**34.594.132.994**

(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21a.

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	39.483.074.033	39.483.074.033
- Giảm do Công ty con giải thể	(17.249.004.784)	-
Số dư cuối năm	**22.234.069.249**	**39.483.074.033**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	**21.139.966.903**	**18.916.559.978**
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	2.223.406.925	2.223.406.925
- Giảm do Công ty con giải thể	(17.249.004.784)	-
Số dư cuối năm	**6.114.369.044**	**21.139.966.903**
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	18.343.107.130	20.566.514.055
Số dư cuối năm	**16.119.700.205**	**18.343.107.130**

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	**99.843.189.327**	**99.843.189.327**	**1.673.471.992.286**	**1.624.544.114.601**	**148.771.067.012**	**148.771.067.012**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	58.998.995.408	58.998.995.408	324.847.528.270	343.668.499.291	40.178.024.387	40.178.024.387
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	24.430.410.734	24.430.410.734	356.329.161.854	323.268.529.963	57.491.042.625	57.491.042.625
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	16.413.783.185	16.413.783.185	992.295.302.162	957.607.085.347	51.102.000.000	51.102.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	**34.000.000.000**	**34.000.000.000**	**35.500.000.000**	**34.000.000.000**	**35.500.000.000**	**35.500.000.000**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	34.000.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	35.500.000.000
	133.843.189.327	**133.843.189.327**	**1.708.971.992.286**	**1.658.544.114.601**	**184.271.067.012**	**184.271.067.012**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	105.422.178.558	105.422.178.558	-	34.000.000.000	71.422.178.558	71.422.178.558
	105.422.178.558	**105.422.178.558**	**-**	**34.000.000.000**	**71.422.178.558**	**71.422.178.558**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.000.000.000)	(34.000.000.000)	(35.500.000.000)	(34.000.000.000)	(35.500.000.000)	(35.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**71.422.178.558**	**71.422.178.558**	**(35.500.000.000)**	**-**	**35.922.178.558**	**35.922.178.558**

15 . CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2024	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					**670.620,43**	**40.178.024.387**
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.4882147/2024-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 21/11/2024 kèm theo Phụ lục số 24.4882147/2024-HĐCVHM-SĐBS1/NHCT900-MMBD ngày 02/01/2025	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 02/01/2025 đến ngày 20/11/2025	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	670.620,43	17.135.022.607
- Hợp đồng cho vay hạn mức Số 24.3150029/2024-HĐCVHM/NHCT900-PTTT ngày 06/08/2024	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá năm (05) tháng/Giấy nhận nợ	- Hợp đồng bảo đảm số 19.2110081/2019/HĐBĐ/NHCT900-PTTHOITRANG; - Hợp đồng bảo đảm số 21.3150118/2021/HĐBĐ/NHCT900; - Hợp đồng bảo đảm số 21.3150067/2021/HĐBĐ/NHCT90098-PTTHOITRANG.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc	-	23.043.001.780
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					**2.250.050,59**	**57.491.042.625**
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 057B24-MBD ngày 15/07/2024	3,4%/năm	Từ ngày 15/07/2024 đến ngày 14/07/2025	- Thế chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; - Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác; - Thế chấp tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 28.534 triệu đồng.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	2.250.050,59	57.491.042.625
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					**2.000.000,00**	**51.102.000.000**
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4675359/HDTD ngày 04/09/2024	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 04/09/2024 đến ngày 31/08/2025	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	2.000.000,00	51.102.000.000
						148.771.067.012

15 . CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2024	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 -HĐCVDADT-SĐBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021	Lãi suất ngày được điều chỉnh 03 tháng một lần hàng năm	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;	Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	-	71.422.178.558
						71.422.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(35.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						**35.922.178.558**

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**1.558.375.258**	**1.558.375.258**	**273.667.425**	**273.667.425**
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	1.523.449.368	1.523.449.368	273.667.425	273.667.425
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	34.925.890	34.925.890	-	-
Bên khác	**123.214.992.693**	**123.214.992.693**	**131.225.458.027**	**131.225.458.027**
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	13.816.528.486	13.816.528.486	3.231.829.494	3.231.829.494
- Công ty Cổ phần May thêu Phát Đạt	5.585.442.230	5.585.442.230	13.683.066.923	13.683.066.923
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	21.861.747.743	21.861.747.743	16.045.142.525	16.045.142.525
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	7.318.393.844	7.318.393.844	9.286.206.074	9.286.206.074
- Esquel Enterpries Limited	2.108.536.208	2.108.536.208	11.826.947.317	11.826.947.317
- Phải trả các đối tượng khác	72.524.344.182	72.524.344.182	77.152.265.694	77.152.265.694
	124.773.367.951	**124.773.367.951**	**131.499.125.452**	**131.499.125.452**

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	202.873.889	262.687.376
- Chi phí phải trả khác	-	289.064.396
	202.873.889	**551.751.772**

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.981.453.516	1.452.868.701
- Bảo hiểm xã hội	146.419.395	808.193.248
- Bảo hiểm y tế	245.916.514	218.764.251
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.755.900	4.762.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	999.316.186	633.307.577
	3.383.861.511	**3.117.896.127**

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.332.665.130	17.096.428.617	15.937.831.873	-	1.174.068.386
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.282.649.215	1.282.649.215	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.495.340	14.356.232.900	37.704.294.284	41.924.287.275	171.495.340	18.576.225.891
- Thuế thu nhập cá nhân	34.874.889	500.062.718	6.679.872.389	6.327.694.563	34.874.832	147.884.835
- Các loại thuế khác	-	3.010.265	36.451.938	33.441.673	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	89.891.000	89.891.000	-	-
	206.370.229	**17.191.971.013**	**62.889.587.443**	**65.595.795.599**	**206.370.172**	**19.898.179.112**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	**247.999.200.000**	**130.334.259**	**(1.135.037.967)**	**59.369.394.731**	**220.108.953.996**	**20.421.648.634**	**546.894.493.653**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	**257.214.754.162**	**23.108.209.003**	**527.317.459.457**
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	123.382.071.529	(820.759.604)	122.561.311.925
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	59.369.394.731	(59.369.394.731)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.873.878.946)	-	(11.873.878.946)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong năm	-	-	-	-	(1.978.979.824)	-	(1.978.979.824)
Giảm khác	-	-	-	-	(74.399.760.000)	-	(74.399.760.000)
	-	-	-	-	(13.424.057.723)	(1.866.942.277)	(15.291.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	**247.999.200.000**	**130.334.259**	**(1.135.037.967)**	**59.369.394.731**	**220.108.953.996**	**20.421.648.634**	**546.894.493.653**
Số dư tại ngày 01/01/2024	**247.999.200.000**	**130.334.259**	**(1.135.037.967)**	**59.369.394.731**	**220.108.953.996**	**20.421.648.634**	**546.894.493.653**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	164.275.444.455	11.358.265.283	175.633.709.738
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	23.931.677.315	(23.931.677.315)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.179.503.195)	-	(7.179.503.195)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	-	(1.196.583.866)	-	(1.196.583.866)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(61.999.800.000)	-	(61.999.800.000)
Điều chỉnh giảm do Công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể	-	-	-	-	(1.135.037.967)	(31.813.884)	(31.813.884)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**247.999.200.000**	**130.334.259**	**(1.135.037.967)**	**83.301.072.046**	**288.941.796.108**	**31.748.100.033**	**652.120.502.446**

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23.931.677.315
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.179.503.195
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1.196.583.866
Chi trả cổ tức	61.999.800.000
(Tương ứng 25% vốn điều lệ)	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	100	**247.999.200.000**	**100**	**247.999.200.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	247.999.200.000	247.999.200.000
- Vốn góp cuối năm	247.999.200.000	247.999.200.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.762.350	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	61.999.800.000	74.399.760.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	*61.999.800.000*	*74.399.760.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	61.993.806.450	74.394.997.650
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	*61.993.806.450*	*74.394.997.650*
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**10.755.900**	**4.762.350**

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	*24.799.920*	*24.799.920*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	*24.799.920*	*24.799.920*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	83.301.072.046	59.369.394.731
	83.301.072.046	**59.369.394.731**

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m^2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024 tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.435.000.000	2.335.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	10.165.250.000	9.950.000.000
- Trên 5 năm	14.085.050.000	16.735.300.000
	26.685.300.000	**29.020.300.000**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.656.500.000	1.199.462.837
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.022.339.000	3.862.187.086
- Trên 5 năm	17.734.331.000	1.145.093.858
	32.413.170.000	**6.206.743.781**

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 và phụ lục số 01 ký ngày 26/08/2024 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m^2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.244.250.000	1.185.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.631.017.500	5.362.873.500
- Trên 5 năm	8.774.776.000	10.287.170.000
	15.650.043.500	**16.835.043.500**

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m^2. Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Tài sản nhận giữ hộ

		31/12/2024		01/01/2024	
Chủng loại, quy cách	ĐVT	Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	109.279,09	Bình thường	161.567,41	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	988.126,72	1.803.111,46
- Đồng Euro (EUR)	3.795,00	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.759.185.815.948	1.472.411.321.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	59.836.311.984	92.034.707.175
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.351.285.319	1.356.318.988
Doanh thu khác	12.453.624	-
	1.821.385.866.875	**1.565.802.348.007**

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	4.856.209.191	5.877.210.206
	4.856.209.191	**5.877.210.206**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.435.459.536.366	1.202.953.815.117
Giá vốn dịch vụ gia công	60.969.149.765	88.115.785.946
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	7.725.202.885	2.682.335.159
	1.504.153.889.016	**1.293.751.936.222**
Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan	**6.468.025.936**	**5.763.845.462**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.403.101.752	8.810.798.063
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	46.080.691.854	34.404.208.324
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	405.920	544.920
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	41.795.862
	55.484.199.526	**43.257.347.169**

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.845.150.484	17.051.343.034
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.964.463.401	17.248.263.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	308.521.123	1.682.919.540
	41.118.135.008	**35.982.525.942**

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	5.041.055.094	4.839.698.381
Chi phí nhân công	1.008.850.554	828.462.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.309.632	46.309.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.040.290.040	13.991.505.524
Chi phí khác bằng tiền	35.395.909	140.481.644
	17.171.901.229	**19.846.457.680**

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	3.224.743.037	2.621.693.552
Chi phí nhân công	76.037.316.824	74.643.949.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.433.781.547	1.689.821.422
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập) dự phòng	(87.750.000)	87.750.000
Thuế, phí, lệ phí	4.196.354.049	4.618.987.512
Phân bổ lợi thế thương mại	2.223.406.925	2.223.406.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.572.270.067	7.614.905.686
Chi phí khác bằng tiền	4.313.430.403	3.147.272.260
	105.913.552.852	**96.647.787.314**
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan	**262.056.216**	**108.603.057**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.636.364	439.475.501
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	41.709.525	20.744.270
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	3.021.622.367	3.209.843.414
Tiền bồi thường nhận được	3.290.722.382	4.382.201.897
Thu nhập khác	503.928.552	270.637.602
	6.871.619.190	**8.322.902.684**

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	110.474.283	6.533.476.820
Chi phí khác	107.050.764	312.771.166
	217.525.047	**6.846.247.986**

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	41.924.287.275	32.308.102.363
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	-
- *Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang*	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**41.924.287.275**	**32.308.102.363**

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	14.799.490.548	22.047.014.313
	14.799.490.548	**22.047.014.313**

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(7.247.523.765)	3.561.018.222
	(7.247.523.765)	**3.561.018.222**

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	164.275.444.455	123.382.071.529
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	164.275.444.455	123.382.071.529
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**6.624**	**4.975**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	907.518.110.922	775.848.539.956
Chi phí nhân công	449.469.534.842	398.666.628.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.838.067.235	35.791.608.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.478.871.182	185.531.271.543
Chi phí khác bằng tiền	17.402.122.774	8.585.235.194
Chi phí dự phòng	-	87.750.000
	1.601.706.706.955	**1.404.511.033.348**

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.318.544.529	-	-	48.318.544.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	280.405.119.718	201.733.066	-	280.606.852.784
Các khoản cho vay	265.402.054.405	3.000.000.000	-	268.402.054.405
	594.125.718.652	**3.201.733.066**	**-**	**597.327.451.718**
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	69.325.531.359	-	-	69.325.531.359
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.757.280.249	401.733.066	-	218.159.013.315
Các khoản cho vay	166.744.272.248	-	-	166.744.272.248
	453.827.083.856	**401.733.066**	**-**	**454.228.816.922**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các khoản vay	184.271.067.012	35.922.178.558	-	220.193.245.570
Phải trả người bán, phải trả khác	128.157.229.462	-	-	128.157.229.462
Chi phí phải trả	202.873.889	-	-	202.873.889
	312.631.170.363	**35.922.178.558**	**-**	**348.553.348.921**
Tại ngày 01/01/2024				
Các khoản vay	133.843.189.327	71.422.178.558	-	205.265.367.885
Phải trả người bán, phải trả khác	134.617.021.579	-	-	134.617.021.579
Chi phí phải trả	551.751.772	-	-	551.751.772
	269.011.962.678	**71.422.178.558**	**-**	**340.434.141.236**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.673.471.992.286	1.331.435.944.206
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.659.452.586.345	1.393.550.552.235

37 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2024
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023):	165.044.137.196
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2024 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	5.776.544.802

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐTV
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐTV
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐTV
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐTV
Công ty TNHH YCH - Protrade	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐTV

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên Ban kiểm soát
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – CN Quận 7	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Giám đốc
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Trưởng ban kiểm soát
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	**6.468.025.936**	**5.763.845.462**
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	6.050.000.000	5.368.285.573
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	338.596.726	370.369.319
- Công ty TNHH YCH - Protrade	79.429.210	25.190.570
Chi trả cổ tức	**47.728.545.000**	**64.526.994.000**
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	29.578.545.000	35.494.254.000
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	18.150.000.000	29.032.740.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**262.056.216**	**108.603.057**
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	262.056.216	108.603.057

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
		9.218.237.197	**9.380.273.773**
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	771.394.000	1.211.179.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	578.546.000	908.385.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.359.606.129	2.095.727.310
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	2.177.859.146	1.962.923.463
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc thường trực *(Bổ nhiệm ngày 01/01/2024)*	1.659.477.922	605.590.000
- Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	385.697.000	505.443.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	308.558.000	505.443.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	205.705.000	-
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát *(Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)*	-	262.082.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát *(Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)*	-	112.321.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Văn Đông	Nguyễn Minh Thủy	Phan Thành Đức

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bình Dương, ngày 16 tháng 04 năm 2025

PHAN THÀNH ĐỨC

LIÊN HỆ

Trụ sở

Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 027 3755143

Số fax: 027 3755415

Truy cập website tại:

www.protradegarment.com